

Số: /PA-VTNN-HĐTV

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

## **PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

### **CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ văn bản số 2130/TTg-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Quyết định số 4587/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 4956/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-BNN-QLDN ngày 16/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh nhân sự Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 4990/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-VTNN-HĐTV ngày 27/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Vật tư nông nghiệp về việc thành lập Nhóm giúp việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Công văn số 7871/BNN-QLDN ngày 24/09/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-BNN-QLDN ngày 06/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 3950/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Vật tư nông nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.
- Căn cứ Công văn số 9093/BNN-QLDN ngày 04/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hoàn chỉnh tiêu chí và đề xuất, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược;
- Căn cứ Thông báo số 9604/TB-BNN-QLDN ngày 24/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kết luận cuộc họp Ban chỉ đạo cổ phần hóa thẩm định Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;

Tổng công ty Vật tư nông nghiệp xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, cụ thể như sau:

**MỤC LỤC**

<b>PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>7</b>
<b>I. THỰC TRẠNG CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
<b>1. Giới thiệu về Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp.....</b>	<b>7</b>
1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính Tổng công ty Vật tư nông nghiệp .....	7
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.3. Hình thức sở hữu .....	8
1.4. Ngành nghề kinh doanh.....	8
<b>2. Cơ cấu tổ chức .....</b>	<b>10</b>
2.1. Sơ đồ tổ chức hoạt động.....	10
2.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban .....	12
2.3. Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc .....	20
<b>3. Tình hình sử dụng lao động.....</b>	<b>21</b>
3.1. Số lượng lao động .....	21
3.2. Chính sách đối với người lao động .....	22
3.3. Đánh giá chung về tình hình sử dụng lao động .....	22
<b>4. Hoạt động sản xuất kinh doanh .....</b>	<b>23</b>
4.1. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu.....	23
4.2. Năng lực sản xuất và trình độ công nghệ.....	24
4.3. Nhu cầu về Hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh.....	24
4.4. Thị trường hoạt động.....	26
4.5. Công tác tổ chức, quản trị.....	27
4.6. Công tác đầu tư .....	27
4.7. Hoạt động Marketing .....	27
4.8. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới .....	28
4.9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	28
4.10. Logo, nhãn hiệu thương mại .....	28
4.11. Các Hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện .....	28
4.12. Tình hình tài chính .....	30
<b>5. Tình hình sử dụng đất đai .....</b>	<b>34</b>
<b>6. Những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong các năm vừa qua .....</b>	<b>37</b>
<b>II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....</b>	<b>39</b>
<b>1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:.....</b>	<b>39</b>
<b>2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý: .....</b>	<b>40</b>
<b>PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP .....</b>	<b>41</b>

<b>I. MỤC TIÊU, TÊN CÔNG TY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN.....</b>	<b>41</b>
<b>1. Mục tiêu cổ phần hóa .....</b>	<b>41</b>
<b>2. Hình thức cổ phần hóa .....</b>	<b>41</b>
<b>3. Tên và thông tin của công ty cổ phần .....</b>	<b>41</b>
3.1. Tên gọi.....	41
3.2. Biểu tượng của Tổng công ty: .....	42
3.3. Trụ sở chính.....	42
3.4. Ngành nghề kinh doanh.....	42
<b>4. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty cổ phần .....</b>	<b>44</b>
4.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty cổ phần .....	44
4.2. Chức năng của các bộ phận .....	46
<b>5. Sắp xếp lại lao động.....</b>	<b>52</b>
5.1. Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần .....	52
5.2. Số lao động không có nhu cầu sử dụng.....	53
5.3. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2016 - 2018 .....	53
<b>II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN.....</b>	<b>54</b>
<b>1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....</b>	<b>54</b>
1.1 Cơ sở xây dựng vốn điều lệ .....	54
1.2 Vốn điều lệ công ty cổ phần .....	54
1.3 Cổ phần: .....	54
1.4 Đối tượng mua cổ phần:.....	55
1.5 Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông .....	55
<b>2. Tổ chức bán cổ phần: .....</b>	<b>64</b>
1.1. Giá khởi điểm: .....	64
1.2. Thời gian bán cổ phần: .....	64
1.3. Cơ quan bán cổ phần: .....	64
<b>III. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>65</b>
<b>1. Chi phí cổ phần hóa.....</b>	<b>65</b>
<b>2. Thu từ cổ phần hóa và quản lý số tiền thu được từ cổ phần hóa .....</b>	<b>65</b>
<b>IV. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA ..</b>	<b>66</b>
<b>1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội và triển khai dự án thi công.....</b>	<b>66</b>
1.1. Tình hình kinh tế - xã hội.....	66
1.2. Tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của Tổng công ty .....	68
<b>2. Triển vọng phát triển của ngành và vị thế của Tổng công ty .....</b>	<b>68</b>
2.1. Triển vọng phát triển của ngành .....	68
2.2. Vị thế của Tổng công ty trong ngành .....	69
<b>3. Phân tích SWOT.....</b>	<b>69</b>
3.1. Điểm mạnh .....	69
3.2. Điểm yếu.....	69

---

3.3. Cơ hội .....	70
3.4. Thách thức .....	70
<b>4. Tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần: .....</b>	<b>70</b>
4.1. Tầm nhìn.....	70
4.2. Mục tiêu .....	71
4.3. Định hướng: .....	72
<b>5. Phương án sử dụng đất đai sau cổ phần hóa .....</b>	<b>72</b>
<b>6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa .....</b>	<b>72</b>
6.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh của công ty cổ phần .....	73
6.2. Kế hoạch tài chính.....	74
6.3. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh: .....	74
<b>7. Kế hoạch niêm yết trên thị trường chứng khoán .....</b>	<b>78</b>
<b>V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN... 78</b>	
<b>PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>79</b>
<b>I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>79</b>
<b>1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:.....</b>	<b>79</b>
1.1 Bán cổ phần: .....	79
1.2. Báo cáo Bộ phương án nhân sự của công ty cổ phần .....	79
<b>2. Hoàn tất việc chuyển Tổng công ty thành công ty cổ phần: .....</b>	<b>79</b>
2.1. Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập và đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần .....	79
2.2. Tổ chức quyết toán và bàn giao giữa Tổng công ty và công ty cổ phần: .....	79
<b>3. Lộ trình cụ thể .....</b>	<b>79</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>80</b>

**CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

- BNN&PTNT : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Tổng công ty : Tổng công ty Vật tư nông nghiệp
- HĐQTV : Hội đồng thành viên
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CPH : Cổ phần hóa

**PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP****I. THỰC TRẠNG CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP****1. Giới thiệu về Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp****1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính Tổng công ty Vật tư nông nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty TNHH Một thành viên**
- Tên tiếng Anh: VIETNAM GENERAL OF AGRICULTURAL MATERIAL CORPORATION LIMITED
- Tên viết tắt: VIGECAM
- Địa chỉ trụ sở chính: 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 04.37332359
- Fax: 04.37474647
- Email: [vigecam@hn.vnn.vn](mailto:vigecam@hn.vnn.vn)
- Website: [www.vigecam.vn](http://www.vigecam.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100104468, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**1.2. Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân Tổng công ty Vật tư nông nghiệp là một đơn vị của hợp tác xã mua bán Trung ương, năm 1960 chuyển thành tổ chức quốc doanh trực thuộc Bộ Nội thương, năm 1962 chuyển sang ngành nông nghiệp với tên gọi là Cục tư liệu sản xuất, sau được đổi tên thành Cục Vật tư nông nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp. Từ năm 1973, Cục Tư liệu sản xuất đổi thành Tổng công ty nhưng vẫn giữ tên gọi truyền thống Vật tư nông nghiệp. Từ đó, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trở thành một đơn vị kinh doanh cung ứng vật tư nông nghiệp lớn nhất, có các đơn vị cấp I trực thuộc đóng tại các đầu mối tiếp nhận vật tư ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Các công ty Vật tư nông nghiệp cấp II bàn giao về cho các tỉnh, thành phố quản lý nhưng chuyên ngành cung ứng vật tư nông nghiệp vẫn là một hệ thống gắn kết chặt chẽ.

Đến năm 2010, thực hiện theo Quyết định số 1527/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 07/06/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Vật tư nông nghiệp sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Qua 55 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp luôn giữ vai trò là một đơn vị hậu cần lớn của sản xuất nông nghiệp cả nước. Hàng năm cung ứng một khối lượng rất lớn phân bón hóa học và các loại vật tư chuyên dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần không nhỏ làm tăng sản lượng lương thực, đảm bảo an ninh lương thực. Nhờ đóng góp của vật tư nông nghiệp, ngành lương thực đã phát triển mạnh, không những giải quyết được tình trạng thiếu lương thực kéo dài hàng chục năm mà 15 năm qua còn có gạo dư thừa, mỗi năm xuất khẩu hàng triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu trị giá hàng tỷ USD.

### **1.3. Hình thức sở hữu**

Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp là doanh nghiệp TNHH Một thành viên được hình thành theo Quyết định số 1527/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 07/06/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104468, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng công ty là **320.000.000.000** đồng (*Ba trăm hai mươi tỷ đồng*)

### **1.4. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104468, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Tổng công ty bao gồm:

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán cafe, chè Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa	4610
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

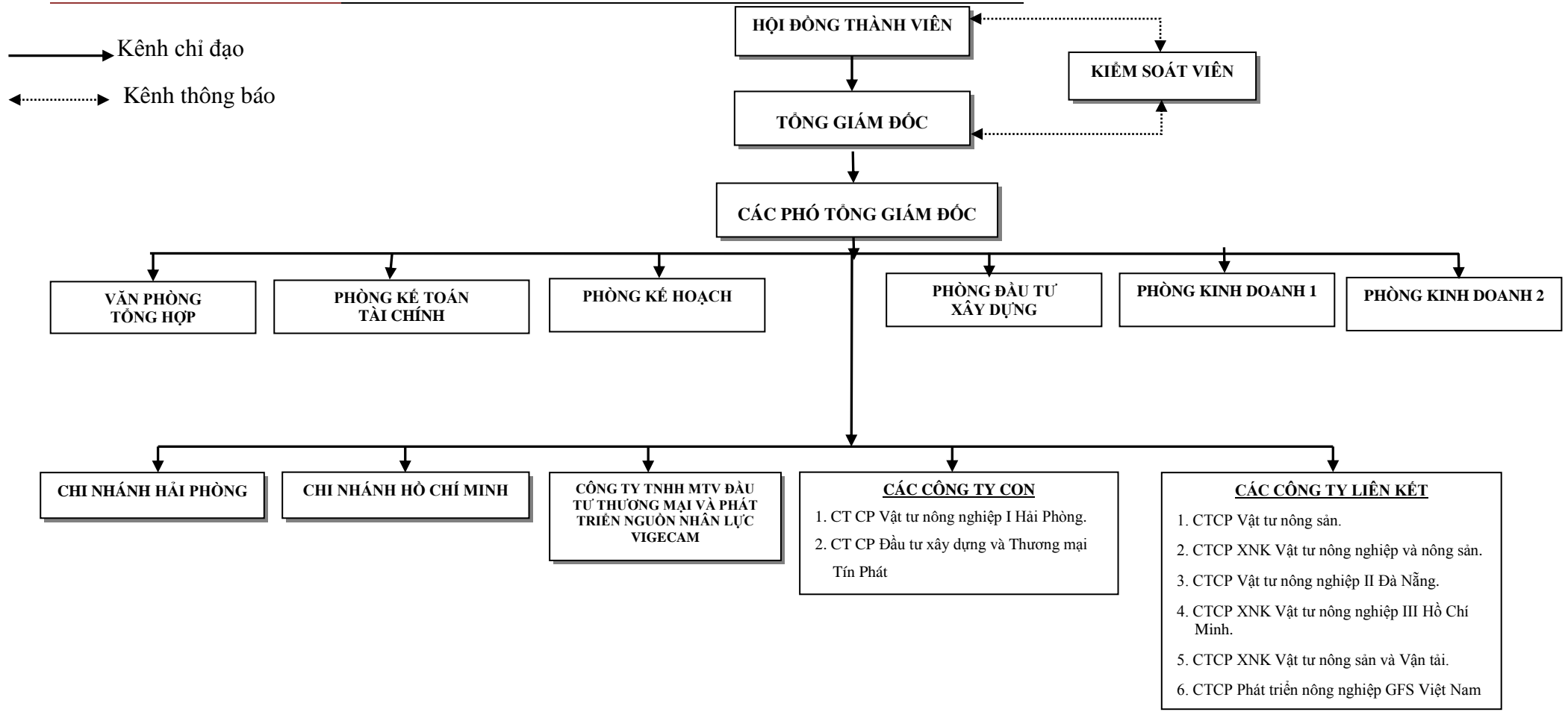


7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	7110
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện dùng trong mạch điện) Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4659
10	Xây dựng nhà các loại	4100
11	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ công trình xây dựng	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình: giao thông, dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	4290
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng	6810
15	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá) Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quảng cáo bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	5210

17	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
19	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7920
20	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	3290
21	Bán buôn, chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4652
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân, gia đình	4649
24	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
25	Bán buôn gạo	4631
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
27	Vận tải hàng hóa đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa	4933
28	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Vận chuyển hành khách	4932
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30	Bán buôn thực phẩm (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4632

## 2. Cơ cấu tổ chức

### 2.1. Sơ đồ tổ chức hoạt động



## 2.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban

### ❖ Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện trực tiếp của Chủ sở hữu tại Tổng công ty, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định hiện hành của nhà nước. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

### ❖ Kiểm soát viên

Kiểm soát viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu trong quản lý, điều hành hoạt động sản kinh doanh của Tổng công ty gồm: Việc chấp hành các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước; kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn của Tổng công ty nhằm bảo toàn phát triển và kinh doanh có hiệu quả; giám sát công tác tổ chức cán bộ tiền lương; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính của Tổng công ty.

### ❖ Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, tổ chức điều hành hoạt động của Tổng công ty theo các mục tiêu, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Tổng công ty, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Ban Tổng giám đốc vừa điều hành quản lý vốn và tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty đến các công ty con với vai trò là chủ sở hữu, vừa trực tiếp điều hành về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính tại các dự án với góc độ là nhà thầu hoặc chủ đầu tư. Ngoài ra trong một số trường hợp vừa là chủ sở hữu vừa là người điều hành vừa là đối tác với các công ty thành viên trong các hợp đồng kinh tế.

### ❖ Các Phòng nghiệp vụ: Công ty mẹ có 06 phòng nghiệp vụ, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

#### ➤ **Phòng Đầu tư Xây dựng:**

##### ▪ Chức năng:

Tham mưu, giúp việc và làm đầu mối cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý các dự án

##### ▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ về chuẩn bị đầu tư đối với các dự án: Tổng công ty đầu tư 100% vốn; các dự án hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và thông lệ quốc tế
  - Khảo sát thị trường đối với sản phẩm dự kiến sản xuất, môi trường đầu tư, nơi Tổng công ty dự định xây dựng dự án;
  - Xây dựng Đề án (nghiên cứu tiền khả thi, khả thi) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
  - Chuẩn bị văn kiện, tài liệu, nội dung đàm phán và tham gia đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước;
  - Thực hiện các nhiệm vụ về giao nhận đất, xin cấp phép xây dựng, phối hợp với các đơn vị liên quan giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;
  - Quản lý hồ sơ dự án, thiết kế hoặc thuê thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình;
  - Lập hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền lựa chọn nhà thầu;
  - Thương thảo hợp đồng với các nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
  - Các công việc khác trong quá trình chuẩn bị đầu tư.
- ✓ Quản lý, thực hiện dự án trong quá trình đầu tư theo quy định của nhà nước
  - Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công công trình;
  - Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- ✓ Nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo hợp đồng đã ký kết.
- ✓ Theo dõi tình hình quản lý sử dụng đất đai, thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đầu tư xây dựng của chủ đầu tư đối với các công việc cải tạo sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hoặc hạng mục công trình của cơ quan Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng Kế toán – Tài chính:**

▪ Chức năng:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trên các lĩnh vực: Tài chính, đầu tư tài chính, hạch toán kế toán, phân tích hoạt động kinh tế đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty; Theo dõi công nợ, tiền hàng, các chi phí cho

hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí khác của Tổng công ty; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

▪ **Nhiệm vụ:**

- ✓ Trên cơ sở kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các phòng, ban, chi nhánh trong Tổng công ty tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính chung của Tổng công ty, tổ chức kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, chi nhánh thực hiện đúng kế hoạch tài chính đã đề ra;
- ✓ Quản lý, kiểm tra và theo dõi hiệu quả sử dụng vốn tại: Tổng công ty, các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết và trên các thị trường tài chính mà Tổng công ty đầu tư;
- ✓ Thẩm định về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế đối với các dự án đầu tư, hợp đồng kinh tế, mua bán, vay, cho vay theo sự phân cấp quản lý của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu tại Tổng công ty; tổng hợp theo dõi tình hình hoạt động tài chính của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết;
- ✓ Phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp, xử lý và lưu giữ các tài liệu, số liệu tài chính, kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán, Luật Kế toán và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước;
- ✓ Thực hiện các tác nghiệp về nghiệp vụ kế toán trong Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu chi tài chính, thanh toán, giao nộp; Tình hình quản lý, sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của Tổng công ty kể cả vốn đưa vào liên doanh, liên kết, hợp tác;
- ✓ Tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của cơ quan Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; Lập báo cáo, quyết toán hợp nhất sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, cả năm của Tổng công ty;
- ✓ Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình Tổng công ty;
- ✓ Tư vấn, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ kế toán – tài chính cho các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho các loại hàng hóa, vật tư và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Quyết toán các dự án mà Tổng công ty đầu tư hoặc tham gia góp vốn;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 1:**

- Chức năng:

- ✓ Tham mưu giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
- ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- **Nhiệm vụ:**
  - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
  - ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
  - ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
  - ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
  - ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
  - ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
  - ✓ Đề xuất với lãnh đạo Tổng công ty về các biện pháp quản lý nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
  - ✓ Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; Phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, quý, năm;
  - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.
- **Phòng kinh doanh 2:**
  - **Chức năng:**
    - ✓ Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
    - ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
  - **Nhiệm vụ:**
    - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;



- ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
- ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
- ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
- ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản – thực phẩm, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, ...;
- ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.

➤ **Phòng kế hoạch:**

▪ Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kế hoạch và chiến lược trong sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; kiểm tra các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu của các phòng trình Tổng giám đốc duyệt.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của các phòng, ban, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra, thẩm định các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu;
- ✓ Đánh giá và phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng công ty;
- ✓ Điều phối việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường trong nước và ngoài nước đối với các mặt hàng mà Tổng công ty kinh doanh;
- ✓ Thống kê, tổng hợp các thông tin liên quan đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Lập báo cáo tổng hợp và báo cáo thống kê theo định kỳ báo cáo tổng kết năm để báo cáo Tổng giám đốc và các cơ quan hữu quan;



- ✓ Phối hợp với các phòng, ban và các đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho và các loại vật tư, hàng hóa và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc giao.
- **Văn phòng Tổng hợp:**
  - Chức năng:
    - ✓ Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự; Xây dựng quy hoạch cán bộ, các chế độ chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và đối với người lao động;
    - ✓ Thanh tra – pháp chế; giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo; thi đua khen thưởng, dân quân tự vệ;
    - ✓ Công tác hành chính quản trị; bảo vệ tài sản; phòng chống cháy nổ.
  - Nhiệm vụ:
    - ✓ Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến để vận dụng vào thực tiễn của Tổng công ty; nghiên cứu áp dụng cải cách hành chính, lề lối làm việc, mối quan hệ giữa các phòng ban đơn vị của Tổng công ty thông suốt và hiệu quả;
    - ✓ Xây dựng các phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty;
    - ✓ Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty;
    - ✓ Tổ chức xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty; Thực hiện việc thi chuyển ngạch, nâng lương, nâng bậc;
    - ✓ Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước; Làm Sổ Bảo hiểm xã hội, theo dõi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tổng công ty;
    - ✓ Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành Nội quy lao động, Quy chế làm việc và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên trong cơ quan Tổng công ty;
    - ✓ Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương gắn với kết quả sản xuất kinh doanh;
    - ✓ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật trong phạm vi của Tổng công ty;
    - ✓ Theo dõi, thực hiện việc nâng, trả lương và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty; theo dõi công tác an toàn, vệ sinh lao động trong Tổng công ty;
    - ✓ Quản lý con dấu, quản lý hồ sơ nhân sự của cán bộ công nhân viên Tổng công ty thuộc thẩm quyền quản lý;

- ✓ Soạn thảo, thẩm định tính pháp lý của các nội quy, quy chế của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về pháp lý và tư vấn đối với các hoạt động của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức phát động, hướng dẫn phong trào thi đua, theo dõi và tổng kết phong trào thi đua lao động sản xuất trong Tổng công ty;
- ✓ Đảm bảo và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các cơ sở vật chất mang tính chất văn phòng để Lãnh đạo và các phòng ban trong cơ quan Tổng công ty hoạt động tốt;
- ✓ Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ nhà cửa, trang thiết bị và tài sản của cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Đón tiếp và hướng dẫn khách đến làm việc tại Tổng công ty;
- ✓ Đưa thông tin, bảo mật và quản lý mạng LAN trong Tổng công ty; sửa chữa, bảo dưỡng (cả phần cứng, phần mềm) các computer và thiết bị ngoại vi của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện công tác văn thư lưu trữ;
- ✓ Quản lý, bố trí phương tiện đi lại và các trang thiết bị vật tư văn phòng cho lãnh đạo và cán bộ cơ quan Tổng công ty làm việc và đi công tác;
- ✓ Quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ đất đai và hồ sơ bất động sản thuộc cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Bảo vệ tài sản; tìm kiếm đối tác và chủ động làm việc với khách hàng đến thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà cơ quan Tổng công ty - 16 Ngô Tất Tố, khách sạn 120 Quán Thánh và các tòa nhà khác của Tổng công ty;
- ✓ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường tại trụ sở Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.

➤ **Chi nhánh Hải Phòng**

- Tên chi nhánh: Chi nhánh Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty TNHH một thành viên tại thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ chi nhánh: Tổng kho Thượng Lý, số 2 đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3537868                      Fax: 031.3537869
- Chức năng, nhiệm vụ:
  - ✓ Xây dựng kế hoạch giao nhận, tiêu thụ phân bón; kế hoạch kinh doanh lương thực và nông sản các loại; kế hoạch phát triển mạng lưới cung ứng vật tư nông nghiệp và các loại vật tư hàng hóa khác theo giấy phép kinh doanh của Tổng công ty;
  - ✓ Tổ chức thực hiện giao nhận, vận chuyển, bảo quản, tiêu thụ phân bón, vật tư nông nghiệp khác và kinh doanh các ngành nghề theo đăng ký kinh doanh của Tổng công ty theo kế hoạch và nhiệm vụ của Tổng công ty giao;
  - ✓ Lập báo cáo thống kê theo tiến độ định kỳ; báo cáo quyết toán tài chính nội bộ hàng năm và các báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty.



- ✓ Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý công ty;
  - ✓ Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng và an ninh quốc gia;
  - ✓ Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo;
  - ✓ Chịu sự kiểm tra của Tổng công ty; tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan tài chính và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
  - ✓ Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của Công ty;
  - ✓ Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quy định của Nhà nước;
  - ✓ Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Tổng công ty có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

### 2.3. Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc

#### 2.3.1. Công ty con

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ		Địa chỉ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1.	CTCP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng	26.241	57	Số 10 Phố Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
2.	CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Tín Phát	5.249	76,19	Số 16 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

#### 2.3.2. Công ty liên kết

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ		Địa chỉ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1.	CTCP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng	27.140	38,22	Số 38 Pasteur, thành phố Đà Nẵng
2.	CTCP Vật tư nông nghiệp	219.209	6,00	Số 24A Tôn Thất Thuyết, phường 18,

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ		Địa chỉ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	III Hồ Chí Minh			quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
3.	CTCP Vật tư nông sản	159.600	8,18	Số 14 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
4.	CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp và nông sản	10.000	48,53	Xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
5.	CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông sản và Vận tải	5.200	47,82	Số 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
6.	CTCP Phát triển Nông nghiệp GFS Việt Nam	110.000	26,00	Số 508 Trường Chinh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**2.3.3. Đơn vị trực thuộc**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Hải Phòng	Số 2 đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
2.	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Số 134 Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
3.	Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Phát triển nguồn nhân lực VIGECAM	Số 16 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**3. Tình hình sử dụng lao động**

**3.1. Số lượng lao động**

Số lượng lao động có tên trong danh sách lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (05/10/2015) là: **69 người**. Cơ cấu lao động như sau:

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>69</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên đại học	59	85,51%
2	Cao đẳng, trung cấp	3	4,35%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	2	2,90%
4	Lao động khác	5	7,24%
<b>II</b>	<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	<b>69</b>	<b>100%</b>

1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	8,69%
2	Lao động không xác định thời hạn	45	65,22%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	18	26,09%
4	Khác	0	0%

Nguồn: Tổng công ty

### **3.2. Chính sách đối với người lao động**

#### **3.2.1. Thu nhập của người lao động**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng quỹ lương (đồng)	5.793.600.000	5.718.960.000	6.004.999.680
2	Tổng số lao động (người)	68	60	64
3	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	7.100.000	7.943.000	7.819.010

Nguồn: Tổng công ty

#### **3.2.2. Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động**

Tổng công ty luôn chú trọng tuyển dụng những lao động có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng công ty. Công tác tuyển dụng của Tổng công ty được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí và qua website của Tổng công ty.

Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý chất lượng, quản lý kinh doanh, quản lý vật tư, tiếng Anh,...

#### **3.2.3. Thời gian làm việc và chính sách lương**

Tổng công ty tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng công ty.

### **3.3. Đánh giá chung về tình hình sử dụng lao động**

Tổng công ty hiện đang sở hữu một lực lượng lao động có trình độ văn hóa cao. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ chủ chốt có kinh nghiệm trong kinh doanh các mặt hàng chính của Tổng công ty hiện nay tuổi đời đã khá cao, trong khi đó đội ngũ cán bộ trẻ chưa thực sự nắm bắt được thị trường. Do đó, lực lượng lao động của Tổng công ty cần phải tiếp tục đào tạo để từng bước trưởng thành về trình độ quản lý kinh doanh và kỹ năng bán hàng.



#### 4. Hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 4.1. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Tổng công ty hiện nay đang kinh doanh thương mại và dịch vụ. Ngành hàng kinh doanh chủ yếu là xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư nông nghiệp như: phân bón; kinh doanh xuất khẩu chè và các mặt hàng nông sản khác; kinh doanh nông sản nội địa; kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho bãi; kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

*Hình ảnh một số sản phẩm của Tổng công ty:*



Phân Viên Nén Nhà Chậm 2 thành phần+Vi lượng:

- Phân có hình hạt mịn, hạt nhỏ, có trọng lượng hạt dao động từ 0.6-0.7g
- Màu chì
- Bón một lần

Phân Viên Nén Nhà Chậm Ngũ Sắc

- Phân có hình hạt mịn, hạt nhỏ, có trọng lượng hạt dao động từ 0.6-0.7g
- Màu chì
- Bón 1 lần



Phân viên nén “nhà chậm” bón vãi cho lúa

- Phân có hình hạt mịn, hạt nhỏ, có trọng lượng hạt dao động từ 0.6-0.7g
- Màu chì
- Bón 1 lần

Phân con lười NPK 17-5-11

- Bao gồm nhiều chủng loại,
- Kích thước hạt phân từ 0,2 - 4 g



Vườn chè



Xuất khẩu chè

#### **4.2. Năng lực sản xuất và trình độ công nghệ**

Tổng công ty là doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ, không tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm.

#### **4.3. Nhu cầu về Hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh**

##### **❖ Nhu cầu về hàng hóa sử dụng cho hoạt động kinh doanh**

- Nhu cầu cho hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty như phân bón, Kali, Ure, DAP chiếm tỷ trọng lớn.
- Nhu cầu cho hoạt động kinh doanh chè của Tổng công ty như chè xanh, bao bì phục vụ đóng gói chè xuất khẩu,...chiếm tỷ trọng khá cao.
- Nhu cầu cho hoạt động kinh doanh nông sản nội địa như đường, gạo, cao su...chiếm tỷ trọng không đáng kể.

##### **❖ Nguồn cung cấp hàng hóa**

- Tổng công ty đã và đang tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu kinh doanh. Tổng công ty thường hợp tác với các nhà cung cấp uy tín và là đối tác truyền thống của Tổng công ty.
- Tổng công ty đang đẩy mạnh việc tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp trong nước có đủ khả năng cung cấp hàng hóa đáp ứng tốt các yêu cầu chất lượng, tiến độ với giá cả hợp lý, cạnh tranh.



- Đối với những chủng loại hàng hóa có yêu cầu bắt buộc về xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng mà trong nước chưa đáp ứng được, phải nhập khẩu trực tiếp, Tổng công ty lựa chọn các công ty, tập đoàn nước ngoài có năng lực, uy tín trên cơ sở giá cả hợp lý, cạnh tranh.

❖ Tính ổn định của nguồn cung cấp hàng hóa:

Do giá hàng hóa đầu vào vận hành theo giá cả thị trường nên Tổng công ty luôn phải đối mặt với tính không ổn định, khó dự tính trước của giá cả. Phân bón là mặt hàng kinh doanh chính và chủ lực của Tổng công ty nhưng giá cả lên xuống thất thường không theo quy luật của thị trường, hàng nhập khẩu về tiêu thụ chậm, tồn kho lâu khiến đã đẩy chi phí, giá thành lên cao ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Năm 2014, Tổng công ty không thực hiện nhập khẩu phân bón do việc nhập khẩu có nhiều rủi ro, giá phân bón nhập khẩu có thời điểm còn cao hơn giá trong nước nên Tổng công ty không chú trọng việc kinh doanh nhập khẩu cho tiêu thụ nội địa mà chỉ tập trung kinh doanh một số mặt hàng như Kali, Ure, DAP với các đối tác truyền thống và có uy tín trong nước.

❖ Danh mục nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu chủ yếu cho Tổng công ty:

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hà Anh	Urea Ninh Bình
2	Công ty Cổ phần VINACAM	DAP Korea
3	Công ty TNHH TM DV Nam Thịnh Hưng	Urea Ninh Bình
4	Công ty Cổ phần vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng	Kali CIS, DAP
5	Công ty TNHH TM DV Toàn Nghĩa	Urea Ninh Bình
6	Công ty TNHH Toàn Phát	Đường RS
7	Công ty TNHH TM& CN TITAN	Dầu Hương Dương
8	Công ty FLOW CONTROL LTD Hong Kong	Amonium Sulfate
9	Công ty 5 – Continent Phosphorus Co.,Ltd	Calcium Boron
10	Công ty NINGBO CETUS ELECTRIC APPLIANCE CO..LTD	Máy nước nóng lạnh
11	Công ty XNK Việt Đức VINA	Urea Ninh Bình
12	Công ty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên	Urea Ninh Bình
13	Công ty TNHH ĐT & TM Phương Thảo	DAP 16-44 Đình Vũ
14	Công ty TNHH TM-DV vận tải Hồng Vân	Urea Cà Mau
15	Công ty TNHH TM Nông sản Nam Sơn	Urea Trung Quốc
16	Công ty Cổ phần XNK & ĐT PT Nguyễn Kim	DAP Đình Vũ
17	Chi Nhánh Công ty TNHH MTV 16	Cao su tự nhiên SVR3L
18	Công ty TNHH chè Thành Vinh	Chè xanh

19	Công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh	Chè xanh
20	Doanh nghiệp tư nhân chè Hoàng Lâm	Chè xanh
21	Công ty cổ phần Trà Than Uyên	Chè xanh
22	Công ty cổ phần nhựa Bắc Giang	Bao PP tráng giấy Krap (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)
23	Công ty TNHH Trà Long Dương	Bao BE (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)
24	Công ty TNHH bao bì Minh Hoàng	Bao PP in mark (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)

*Nguồn: Tổng công ty*

#### **4.4. Thị trường hoạt động**

- Đối với hoạt động kinh doanh phân bón: Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tổng công ty ở khu vực phía Nam. Tổng công ty phải cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp khác trong lĩnh vực kinh doanh phân bón. Nhu cầu phân đạm hàng năm của Việt Nam khoảng 2 triệu tấn. Trước đây, Việt Nam phải nhập khẩu hoàn toàn. Đến nay, các nhà máy sản xuất phân đạm trong nước với tổng công suất tương đương 2,6 triệu tấn/năm đã và đang tạo ra sức cạnh tranh quyết liệt và phức tạp trên thị trường phân bón Việt Nam trong bối cảnh nguồn cung vượt nhu cầu trong nước. Theo khảo sát, thị phần của Tổng công ty rất nhỏ trong tổng số khoảng hơn 3 triệu tấn phân bón được tiêu thụ nội địa hàng năm.
- Đối với hoạt động xuất khẩu chè: Thị trường xuất khẩu chủ yếu ở 2 quốc gia là Afghanistan và Pakistan. Phân khúc thị trường tiêu thụ của Tổng công ty là thị trường cấp thấp. Khách hàng của Tổng công ty là các đối tác truyền thống với sức mua ổn định. Do đó, nhu cầu tiêu thụ không biến động nhiều, với mức tăng trưởng hàng năm khoảng 15%. Tuy nhiên, Tổng công ty cũng phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp xuất khẩu chè trong nước và nước ngoài. Thị phần của Tổng công ty rất nhỏ với con số khoảng 600 tấn trên tổng số khoảng 120.000 tấn chè xuất khẩu hàng năm của Việt Nam.
- Đối với hoạt động kinh doanh các mặt hàng như đường, gạo và nông sản khác: Tiêu thụ tại thị trường nội địa, nhu cầu tiêu thụ không ổn định, môi trường cạnh tranh khốc liệt.
- Đối với hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi: Trong những năm gần đây, do tình hình kinh tế suy thoái, việc kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi của Tổng công ty cũng gặp nhiều khó khăn do nhu cầu sử dụng thấp, giá cho thuê giảm mạnh, trong khi giá thuê đất do nhà nước điều chỉnh lại tăng cao dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp.

#### **4.5. Công tác tổ chức, quản trị**

##### **4.5.1. Vai trò của Công ty mẹ - Tổng công ty:**

Công ty mẹ - Tổng công ty đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý hoạt động kinh doanh tổng thể của tất cả các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

##### **4.5.2. Việc kiểm soát ở cấp độ Tổng công ty trong các quyết định then chốt và hiệu quả hoạt động:**

- Hiện tại, Tổng công ty có tổng cộng 02 công ty con và 06 công ty liên kết.
- Các công ty con là những pháp nhân độc lập, hoạt động theo chiến lược và mục tiêu chung của Tổng công ty, các quyết định then chốt và nhân sự quản lý điều hành đều có sự phê duyệt, thỏa thuận của Tổng công ty.
- Tại các công ty liên kết: Tổng công ty cũng cử người tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban điều hành hoặc Ban kiểm soát tùy theo thỏa thuận tại các công ty Tổng công ty tham gia góp vốn, nhưng do tỷ lệ sở hữu thấp nên mức độ quyết định, kiểm soát còn hạn chế.

##### **4.5.3. Ưu điểm, hạn chế của công tác quản trị hiện nay:**

Mô hình quản trị của Tổng công ty về cơ bản đã đáp ứng được đòi hỏi của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tổng công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết thống nhất cùng thực hiện và hướng tới hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

#### **4.6. Công tác đầu tư**

Tổng công ty đã thực hiện góp vốn bằng tài sản trên đất và quyền thuê đất trên diện tích đất 88.880 m<sup>2</sup> của Tổng công ty, thành lập Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên – Hải Phòng. Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty này là 26%.

#### **4.7. Hoạt động Marketing**

##### **❖ Các hình thức quảng cáo mà Tổng công ty đã và đang áp dụng:**

Tổng công ty dùng website <http://www.vigecam.vn> để thiết lập sự hiện diện của mình trên internet và tạo ra nguồn thông tin sẵn có cho những đối tượng quan tâm tới Tổng công ty.

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần phân bón Mùa Vàng để triển khai, đưa mặt hàng phân bón NPK 17-5-11 hiệu “con lười” vào thị trường. Tổng công ty đã kết hợp cùng các bên đối tác triển khai, tổ chức được 04 mô hình thí điểm cho vụ hè – thu tại tỉnh Quảng Nam. Kết quả đạt được từ việc triển khai các mô hình thí điểm là tương đối khả quan, là bước khởi đầu thuận lợi để Tổng công ty kết hợp với các nhà phân phối đưa sản phẩm vào thị trường ngay từ vụ đông xuân năm 2015.

##### **❖ Các chính sách của Tổng công ty đối với công tác marketing:**

Tổng công ty không quảng cáo rầm rộ, tuy nhiên Tổng công ty tạo dựng uy tín và thương hiệu bằng chất lượng sản phẩm, duy trì mối quan hệ bền vững dựa trên sự gắn bó và tin

tương lẫn nhau đối với các khách hàng truyền thống, tăng cường tiếp xúc và gây dựng sự tin nhiệm với các khách hàng mới. Chính sách này áp dụng với khách hàng cả trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng sẽ đẩy mạnh việc kết hợp với các địa phương, tổ chức các mô hình cạnh tác thí điểm nhằm quảng bá sản phẩm phân bón mới đến người dân.

Ngoài ra, Tổng công ty hướng tới thiết lập hệ thống phân phối bao gồm các đại lý và đối tác bán lẻ.

#### **4.8. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Hiện nay và trong tương lai, Tổng công ty hướng tới phát triển các sản phẩm cao cấp hơn như:

- + Tìm kiếm nguồn cung chèn mới, chất lượng cao cấp hơn, bao bì đóng gói đẹp hơn để đáp ứng được các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ...
- + Phát triển các sản phẩm phân bón hữu cơ có tính năng an toàn hơn cho cây trồng và con người.

#### **4.9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ**

Tổng công ty là đơn vị kinh doanh thương mại thuần túy, do đó không có quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

#### **4.10. Logo, nhãn hiệu thương mại**



Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 42132 ngày 17/07/2002, cấp lại lần thứ 01 ngày 21/04/2010. Nhãn hiệu có màu xanh, trắng. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình địa cầu, hình bản đồ Việt Nam và bông lúa.

#### **4.11. Các Hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện**

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (VNĐ)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
1	HĐ với TITAN-VTNN ngày 12/01/2014	13.144.320.000	2014	Dầu hương dương	Công ty TNHH TM&CN TITAN
2	HĐ với CN CTy MTV 16	17.514.000.000		Cao su SVR3L	Chi nhánh Công ty 16 BQP
3	HĐ với SCFC141216	1.426.248.000		SA (TQ)	Trung quốc
4	HĐ số 01/2015/TCT-HA ngày 01/07/2015	7.120.000.000	2015	Urea Ninh Bình	Công ty CP XNK Hà Anh
5	HĐ số CAN20150126 ngày 26/1/2015	2.041.560.000	2015	Calcium Boron	Trung quốc

6	HĐ số 07/2015/VINACAM ngày 28/01/2015	3.102.000.000	2015	Dap Korea	Công ty CP VINACAM
7	HĐ số 002/02/HDKT/2014 ngày 02/04/2015	6.572.256.768	2015	Dầu hướng dương	Công ty TNHH TM&CN TITAN
8	HĐ với Toàn Phát ngày 20/05/2015	30.023.500.000	2015	Đường RS An Khê	Công ty TNHH TMToàn Phát
9	HĐ với Vinacam ngày 30/05/2015	13.700.000.000	2015	DAP Korea	Công ty CP VINACAM
10	HĐ số 01 A&T ngày 21/7/2015	14.530.000.000	2015	Đường RS An Khê	Công ty CP A&T
11	HĐ với Cetus TQ ngày 15/04/2015	44745\$	2015	Máy làm nóng lạnh nước	Trung Quốc
12	HĐ với Ecom Singapore ngày 13/8/2015	725000\$	2015	Bông nguyên liệu	Ecom Singapore Ltd
13	HĐ số 001/02/HDKT/2014 ngày 20/01/2015	6.730.214.400	2015	Dầu hướng dương	Công ty TNHH KH&CN Toàn Cầu
14	HĐ số 150601/VTNN-TAT ngày 01/06/2015	4.592.805.000	2015	Cao su SVR3L	Công ty TNHH Máy tính Tân An Thịnh
15	HĐ số 141231/VTNN-TAT ngày 31/12/2014	13.503.525.000	2014	Cao su SVR3L	Công ty TNHH Máy tính Tân An Thịnh
16	HĐ số 01HDMB2015 Nam Bac ngày 29/01/2015	3.110.800.000	2015	Dap Korea	Công ty TNHH TMDV XNK An Bắc
17	HĐ số 001/02/HDKT/2014 ngày 02/10/2015	6.719.150.592	2015	Dầu hướng dương	Công ty TNHH KH&CN Toàn Cầu
18	HĐ với Đông Việt ngày 19/03/2015	7.250.000.000	2015	Urea Ninh Bình	Công ty TNHH TM Đông Việt
19	HĐ số 09 Thuận Phong ngày 13/04/2015	2.235.000.000	2015	Calcium Boron	Công ty SX&TM Thuận Phong
20	HĐ số 03 Thuận Phong ngày 03/04/2015	1.443.500.000	2015	SA (TQ)	Công ty SX&TM Thuận Phong
21	HĐ số 002/02/HDKT/2014 ngày 05/12/2015	6.840.142.848	2015	Dầu hướng dương	Công ty TNHH KH&CN Toàn Cầu
22	HĐ với Hải Hà ngày 16/6/2015	1.524.211.500	2015	DAP TQ	Công ty CP VTNN Hải Hà
23	HĐ số 02/HDMB2015 Nam Bac ngày 17/7/2015	13.840.000.000	2015	DAP Korea	Công ty TNHH TMDV XNK An Bắc
24	HĐ số 02 Gia Thái Hòa ngày 17/7/2015	13.586.500.000	2015	Đường RS An Khê	Công ty TNHH Gia Thái Hòa

25	HĐ số 01 CP D&A ngày 17/7/2015	14.500.000.000	2015	Đường RS An Khê	Công ty CP D&A
26	HĐ số 01 Tân Việt Mỹ ngày 15/5/2015	1.083.792.718	2015	Máy làm nóng lạnh nước	Công ty TNHH ĐT&TM Tân Việt Mỹ
27	HĐ số 01 A&T ngày 17/8/2015	16.537.792.500	2015	Bông nguyên liệu	Công ty CP A&T

Nguồn: Tổng công ty

#### 4.12. Tình hình tài chính

##### 4.12.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm gần nhất.

###### a. Doanh thu, Lợi nhuận gộp

###### ❖ *Doanh thu:*

Đơn vị tính: đồng

STT	Hoạt động	2012		2013		2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Phân bón	75.662.000.000	59,87%	34.163.000.000	38,94%	52.344.000.000	47,78%
2	Chè xuất khẩu	23.807.000.000	18,84%	15.436.000.000	17,60%	31.796.000.000	29,02%
3	Cho thuê văn phòng, kho bãi	3.925.000.000	3,11%	6.412.000.000	7,31%	12.311.000.000	11,24%
4	KD khác (LAS, đầu tư xây dựng...)	22.982.380.019	18,19%	31.710.786.653	36,15%	13.097.645.734	11,96%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>126.376.380.019</b>	<b>100%</b>	<b>87.721.786.653</b>	<b>100%</b>	<b>109.548.645.734</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 - 2014 đã kiểm toán

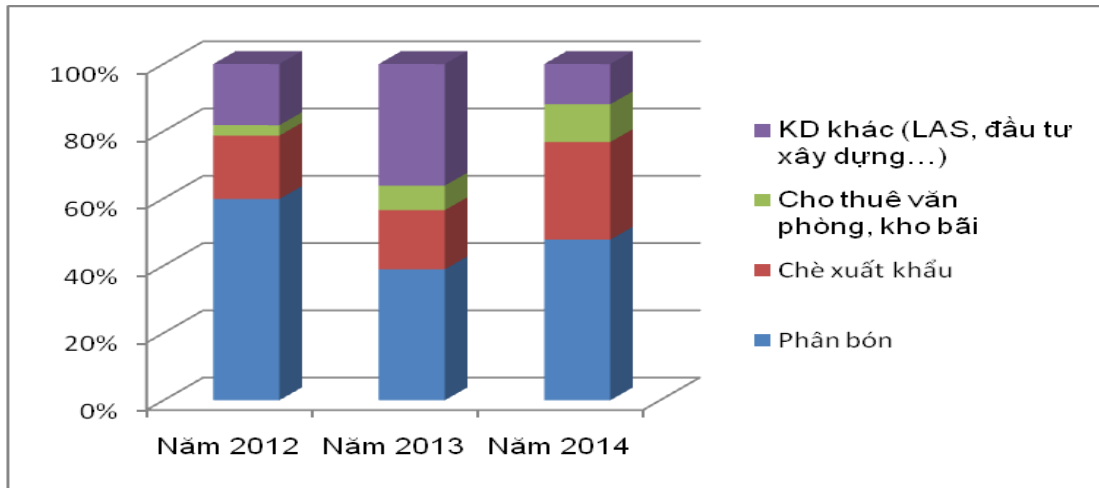
Doanh thu qua các năm của Tổng công ty có xu hướng giảm, đặc biệt là năm 2013. Nguyên nhân là do trong các năm này, hoạt động tiêu thụ mặt hàng phân bón và chè xuất khẩu gặp nhiều khó khăn dưới ảnh hưởng suy thoái của kinh tế trong nước và thế giới.

Thị trường phân bón năm 2013 gặp nhiều khó khăn: giá phân bón quốc tế biến động thất thường, càng về những tháng cuối năm giá càng giảm sâu, có những mặt hàng giảm từ 30-40% so với đầu năm; kinh doanh phân bón trong nước cũng không mấy khả quan do giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng rất lớn từ lượng phân nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam qua đường tiểu ngạch và chính ngạch; nạn hàng giả, hàng nhái nhãn mác đối với một số sản phẩm, thương hiệu có uy tín đã gây lúng đoạn thị trường và làm giảm lòng tin của người tiêu dùng đối với các doanh nghiệp kinh doanh chân chính. Trong nước, một số doanh nghiệp sản xuất phân bón như Đạm Ninh Bình, DAP Đình Vũ, Đạm Cà Mau,... hàng năm đều gia tăng sản lượng và tự xây dựng mạng lưới tiêu thụ riêng của mình nên việc triển khai tiêu thụ phân bón của Tổng



công ty nhập khẩu về rất chậm, hàng hóa để tồn kho lâu ảnh hưởng trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

**Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần của các mảng hoạt động**



Phân bón là mặt hàng kinh doanh chính và chủ lực của Tổng công ty, chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 50% trong cơ cấu tổng doanh thu hàng năm. Chè xuất khẩu chiếm tỷ trọng gần 30% trong cơ cấu doanh thu và có xu hướng tăng lên qua các năm. Đây là ngành hàng kinh doanh có tiềm năng và ổn định lâu dài nên ngay từ những tháng đầu năm 2014, Tổng công ty đã chủ động đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường hàng hóa mua vào bán ra. Kết quả kinh doanh xuất khẩu chè năm 2014 về sản lượng, doanh thu và hiệu quả đều đạt và vượt mức đề ra.

❖ *Lợi nhuận gộp:*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Phân bón	22.607.000.000	141,45%	(659.000.000)	-1,73%	(3.049.000.000)	-14,60%
2	Chè xuất khẩu	4.046.000.000	25,32%	1.350.000.000	3,55%	1.763.000.000	8,44%
3	Cho thuê văn phòng, kho bãi	3.925.000.000	24,56%	6.412.000.000	16,85%	12.311.000.000	58,96%
4	KD khác (LAS, đầu tư xây dựng...)	(13.396.993.019)	-83,83%	30.946.558.656	81,33%	9.854.121.958	47,20%
5	Nông sản (đậu tương hạt)	(1.199.000.000)	-7,50%	-	0,00%	-	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.982.006.981</b>	<b>100%</b>	<b>38.049.558.656</b>	<b>100%</b>	<b>20.879.121.958</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 - 2014 đã kiểm toán*

❖ *Bảng tổng hợp doanh thu, lợi nhuận gộp:*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu (đồng)	126.376.380.019	87.721.786.653	109.548.645.734
Lợi nhuận gộp (đồng)	15.982.006.981	38.049.558.656	20.879.121.958
Tỷ lệ lợi nhuận gộp	12,65%	43,38%	19,06%

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 - 2014 đã kiểm toán

**b. Tổng hợp kết quả kinh doanh**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014
1	Tổng tài sản	đồng	444.781.385.924	389.479.428.313	420.980.328.194
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	đồng	226.573.880.273	224.925.688.852	226.607.995.559
3	Vay và nợ ngắn hạn	đồng	42.299.850.330	14.185.600.000	49.050.531.011
4	Vay và nợ dài hạn	đồng	0	0	0
5	Doanh thu, trong đó:	đồng	126.376.380.019	87.721.786.653	109.548.645.734
-	Phân bón	đồng	75.662.000.000	34.163.000.000	52.344.000.000
-	Chè xuất khẩu	đồng	23.807.000.000	15.436.000.000	31.796.000.000
-	Cho thuê văn phòng, kho bãi	đồng	3.925.000.000	6.412.000.000	12.311.000.000
-	KD khác (LAS, đầu tư xây dựng...)	đồng	22.982.380.019	31.710.786.653	13.097.645.734
-	Tốc độ tăng trưởng doanh thu	%	-60,36	-30,59	24,88
6	Chi phí	đồng	125.838.806.887	93.325.131.578	142.320.856.467
9	Số lao động bình quân	Người	68	60	64
10	Thu nhập bình quân	vnd/người /tháng	7.100.000	7.943.000	7.819.010
11	Lợi nhuận trước thuế	đồng	11.566.984.894	1.367.895.728	2.131.487.566
12	Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.033.103.420	423.245.591	2.120.422.309
13	ROE	%	5,50	0,23	1,14

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 - 2014 đã kiểm toán

**c. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	2013	2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,39	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	1,35	1,25
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,42	0,46



Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,73	0,86
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay tổng tài sản	0,21	0,27
Vòng quay TSCĐ	1,02	1,47
Vòng quay vốn lưu động	0,34	0,44
Vòng quay các khoản phải thu	0,39	0,49
Vòng quay các khoản phải trả	4,87	6,97
Vòng quay hàng tồn kho	2,04	5,44
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số LN sau thuế/DT thuần	0,48%	1,94%
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19%	0,94%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,11%	0,50%
Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	5,06%	0,92%

*Nguồn: Tính toán theo Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 - 2014 đã kiểm toán*

#### 4.12.2. Giá trị các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp khác thời điểm 0h ngày 31/03/2015: Tổng công ty thực hiện quản lý phần vốn Nhà nước đầu tư 2 Công ty con; 6 Công ty liên kết, liên doanh với tổng số vốn theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp là **92.845.992.080** đồng.

*Đơn vị: Đồng*

Stt	Nội dung	Giá gốc đầu tư	Vốn chủ sở hữu tại đơn vị	Chênh lệch	Vốn tại đơn vị xác định lại	Chênh lệch
		<1>	<2>	<3=2-1>	<4>	<5=4-1>
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>	<b>18.957.661.248</b>	<b>16.394.284.355</b>	<b>(2.563.376.893)</b>	<b>18.957.661.248</b>	<b>-</b>
1	Công ty CP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng	14.957.820.000	14.884.579.400	(73.240.600)	14.957.820.000	-
2	Công ty CP Đầu tư XD và TM Tín Phát	3.999.841.248	1.509.704.955	(2.490.136.293)	3.999.841.248	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>72.524.765.253</b>	<b>51.164.013.659</b>	<b>(21.360.751.594)</b>	<b>73.888.330.832</b>	<b>1.363.565.579</b>
1	Công ty CP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng	10.372.000.000	11.735.565.579	1.363.565.579	11.735.565.579	1.363.565.579
2	Công ty CP XNK Vật tư nông sản & Vận tải	2.486.700.000	434.250.082	(2.052.449.918)	2.486.700.000	-
3	Công ty CP Vật tư nông sản	13.060.620.000	13.060.620.000	-	13.060.620.000	-
4	Công ty CP XNK Vật tư nông nghiệp & Nông sản	4.852.900.000	(14.578.890.215)	(19.431.790.215)	4.852.900.000	-

5	Công ty CP XNK Vật tư nông nghiệp III	13.152.545.253	11.912.468.213	(1.240.077.040)	13.152.545.253	-
6	Công ty CP Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam	28.600.000.000	28.600.000.000	-	28.600.000.000	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>91.482.426.501</b>	<b>67.558.298.014</b>	<b>(23.924.128.487)</b>	<b>92.845.992.080</b>	<b>1.363.565.579</b>

*Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp*

#### 4.12.3. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2014 (03 năm trước khi thực hiện cổ phần hóa) việc kinh doanh các mặt hàng chính như phân bón, vật tư nông nghiệp và nông sản,... của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá phân bón và vật tư nông nghiệp lên xuống thất thường, trong khi đó mặt bằng lãi suất tăng cao đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty tiếp tục phải giải quyết những tồn tại về tài chính, tài sản từ những năm trước để lại. Cụ thể, tính đến thời điểm 31/03/2015, khoản lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 24.491.412.285 đồng, công nợ phải trả đối với Công ty Cổ phần Vật tư VINACAM là 34.376.569.265 đồng, khoản nợ phải trả cho bà Phạm Mỹ Linh là 50.769.378.417 đồng (Đây là khoản nợ liên quan đến việc bán đấu giá tài sản trên đất tại 120 Quán Thánh trong năm 2014, cụ thể: Tổng công ty đã thực hiện bán đấu giá tài sản trên đất tại 120 Quán Thánh với giá khởi điểm là 49,885 tỷ đồng và người trúng giá là bà Phạm Mỹ Linh. Bà Phạm Mỹ Linh đã nộp tiền mua tài sản theo kết quả đấu giá, tuy nhiên sau đó đợt bán đấu giá bị tạm dừng để làm rõ thêm về hồ sơ đấu giá, hiện tại tài sản này thuộc sở hữu Tổng công ty). Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với sự cố gắng của tập thể cán bộ Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trong 3 năm từ 2012 đến 2014, Tổng công ty đã mở rộng kinh doanh các mặt hàng khác mà Tổng công ty có lợi thế như: Kinh doanh chè, nông sản, cho thuê văn phòng,... Do vậy, trong 3 năm qua Tổng công ty đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn, cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tổng công ty đều có việc làm và có thu nhập ổn định.

#### 5. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện nay, Tổng công ty quản lý và sử dụng diện tích đất đang thuê của nhà nước với tổng diện tích 114.874,34 m<sup>2</sup> gồm 06 lô đất tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

##### 5.1. Thửa đất tại số 120 Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (diện tích 276 m<sup>2</sup>):

Hiện đang thực hiện thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 92-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 10/09/2004, thời hạn thuê 13 năm 6 tháng kể từ ngày 09/07/2004. Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc và văn phòng cho thuê.

- 5.2. *Thửa đất tại số 16 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (diện tích đất 1.585,4 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng 2.475,9 m<sup>2</sup>)*

Thực hiện thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 09/XN2/HDDTN26/XD ngày 15/4/2009 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014.

Ngày 12/8/2014, Bộ Tài chính có Văn bản số 11226/BTC-QLCS về việc Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội, tại cơ sở nhà, đất số 16 Ngô Tất Tố, quận Đống Đa: “Phần diện tích nhà, đất Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Nội đang sử dụng (Nhà B: diện tích đất 80,4 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng: 120 m<sup>2</sup>): Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội chấm dứt hợp đồng thuê nhà với Tổng công ty Vật tư nông nghiệp và ký hợp đồng cho Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Nội thuê nhà”. Đến nay, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Hà Nội và Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội chưa phân định được phần diện tích nhà, đất của các bên theo Văn bản số 11226/BTC-QLCS của Bộ Tài chính.

Đối với hợp đồng thuê nhà, đất mặc dù đã hết thời hạn nhưng Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội và Tổng công ty Vật tư nông nghiệp vẫn chưa ký lại. Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc của đơn vị thành viên, liên kết và văn phòng cho thuê.

- 5.3. *Thửa đất tại số 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (diện tích 536 m<sup>2</sup>)*

Hiện đang thực hiện thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 93-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 10/09/2004, thời hạn thuê 41 năm kể từ ngày 09/04/2004. Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc của công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp.

- 5.4. *Thửa đất tại số 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (diện tích 554,94 m<sup>2</sup>)*

Được chuyển giao theo Biên bản thỏa thuận số 645/BBTT-TCT-VHNH ngày 12/10/2004 về việc thanh toán nợ giữa Ngân hàng Việt Hoa với Tổng công ty Vật tư nông nghiệp. Tổng công ty thực hiện hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm theo văn bản số 9336/STC-BCDD-CS về phương án sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

- 5.5. *Thửa đất tại Khu vui chơi giải trí Đống Đa, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (diện tích 23.042 m<sup>2</sup>)*

Được Thủ tướng Chính phủ giao cho Tổng công ty quản lý và sử dụng theo Quyết định số 332/TTg ngày 21/5/1997. Mục đích sử dụng: Thực hiện triển khai dự án khu Vui chơi giải trí theo đúng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Văn bản số 11226/BTC-QLCS của Bộ Tài chính, khu đất có diện tích 16.042 m<sup>2</sup> là đã trừ đi 7.000 m<sup>2</sup> bàn giao cho UBND Quận Đống Đa để thực hiện dự án xây dựng nhà văn hóa của quận theo biên bản thỏa thuận giữa hai bên. Đến nay, dự án trên của Quận Đống Đa vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 15/9/2015, Bộ NN&PTNN đã có Công văn số 7600/BNN-QLDN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt cho phép chuyển chủ đầu tư dự án tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa sang Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao. Ngày 19/10/2015, xét đề nghị của Bộ NN&PTNN và ý kiến của các ngành chức năng, UBND TP Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 1853/TTg-KTN như sau: “*Bộ NN&PTNT chỉ đạo Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp thực hiện chuyển nhượng dự án xây dựng tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa theo quy định hiện hành*”.

5.6. *Thửa đất tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (diện tích 88.880 m<sup>2</sup>)*

Hiện đang thực hiện thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 14/HĐTD ngày 20/01/2006, thời hạn thuê 40 năm kể từ ngày 31/12/2004. Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà xưởng, phục vụ cho sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty.

Tổng công ty đã thực hiện góp vốn bằng tài sản trên đất và quyền thuê đất trên diện tích đất 88.880 m<sup>2</sup> của Tổng công ty, thành lập Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên – Hải Phòng. Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty này là 26%.

Hiện nay, khu đất trên đang được triển khai làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam.

Trong đó:

- Về pháp lý:
  - 89.692 m<sup>2</sup> có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bao gồm các thửa đất tại số 120 Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; số 164 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; và thửa đất tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
  - 1.585,4 m<sup>2</sup> đang đề nghị tiếp tục ký hợp đồng thuê đất: Thửa đất tại số 16 Ngô Tất Tố, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- 23.042 m<sup>2</sup> có quyết định giao đất: Thửa đất tại khu Vui chơi giải trí Đống Đa, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- 554,94 m<sup>2</sup> đang làm hồ sơ xin ký hợp đồng thuê đất: Thửa đất tại số 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Phân theo mục đích sử dụng:
  - 1.090,94 m<sup>2</sup> đang sử dụng làm văn phòng
  - 88.880 m<sup>2</sup> đang sử dụng làm kho bãi, nhà xưởng
  - 1.861,4 m<sup>2</sup> đang sử dụng trong kinh doanh
  - 23.042 m<sup>2</sup> đang trong giai đoạn thực hiện dự án

## **6. Những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong các năm vừa qua**

### ***Thuận lợi***

- Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có nhiều cố gắng, quyết đoán trong công tác sản xuất kinh doanh, thường xuyên nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tại các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng.
- Nội bộ Tổng công ty đoàn kết thống nhất, cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong công việc chuyên môn cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty đa số là lực lượng trẻ và được đào tạo bài bản; nếu được sử dụng đúng chuyên môn sẽ là động lực chính để Tổng công ty phát triển một cách bền vững.
- Cùng với sự cố gắng của Ban lãnh đạo, của tập thể cán bộ công nhân viên. Tổng công ty còn thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính cùng với sự giúp đỡ phối hợp của các đơn vị trong và ngoài ngành, sự tin cậy hợp tác gắn bó của các bạn hàng trong và ngoài nước trong công tác xây dựng và phát triển Tổng công ty.
- Hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Tổng công ty nhận được nhiều chính sách ưu đãi của Chính phủ.
- Tổng công ty là doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm và có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp. Tổng công ty đã xây dựng được hệ thống mạng lưới khách hàng rộng ở cả trong và ngoài nước. Tổng công ty đã tạo dựng được mối quan hệ tốt với các bạn hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu mặt hàng chè, các khách hàng luôn tin cậy vào chất lượng sản phẩm và cam kết gắn bó lâu dài với Tổng công ty.
- Tổng công ty có điều kiện tốt về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay, Tổng công ty có vốn góp tại nhiều doanh nghiệp có trụ sở chính và kho tàng ở các đầu mối, cảng biển, vị trí then chốt ở khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam. Cơ sở hạ tầng dồi dào nếu được sử dụng

và phát huy tốt sẽ là động lực thúc đẩy ngành nghề chính của Tổng công ty phát triển hơn nữa.

**Khó khăn**

Trong những năm qua, các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nhập khẩu và kinh doanh phân bón nội địa nói chung và Tổng công ty Vật tư nông nghiệp nói riêng đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty không tập trung, chưa có ngành nghề kinh doanh chủ lực để mang lại lợi nhuận hàng năm.
- Hoạt động kinh doanh phân bón gặp nhiều khó khăn do giá cả phân bón lên xuống thất thường không theo quy luật của thị trường, hàng nhập khẩu về tiêu thụ chậm, tồn kho lâu đã đẩy chi phí, giá thành lên cao, kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro và không có hiệu quả.
- Việc cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi cũng gặp nhiều khó khăn. Do nhu cầu thuê và giá thuê có chiều hướng giảm mạnh, trong khi giá thuê đất nhà nước điều chỉnh từ năm 2013 lại tăng trên 3 lần so với những năm trước dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp.
- Việc tiếp cận được nguồn vốn vay của các Ngân hàng thương mại để thực hiện các hợp đồng kinh doanh của Tổng công ty trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn, hạn mức tín dụng thấp, chưa đáp ứng được nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tuy trẻ, năng động nhưng thiếu kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh mặt hàng phân bón và nông sản.
- Tổng công ty phải giải quyết những tồn tại về tài chính bao gồm nhiều khoản công nợ phải trả có giá trị lớn và nhiều khoản công nợ phải thu lớn, kéo dài và khó thu hồi. Ngoài ra, trong năm 2014 Tổng công ty còn phải tập trung nhiều thời gian và nguồn lực vào việc thu hồi công nợ; xử lý những tồn tại về tài sản, tài chính nhằm chuẩn bị cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty trong năm 2015.
- Một số cơ sở nhà, đất của Tổng công ty đang gặp phải tranh chấp. Tổng công ty phải làm việc với cơ quan thi hành án và các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện cưỡng chế thu hồi Khách sạn 120 Quán Thánh theo Quyết định của Tòa án (hiện tại tài sản này thuộc sở hữu Tổng công ty). Tổng công ty cũng phải làm việc với các cơ quan chức năng của Thành phố Hà Nội và Ủy ban Nhân dân quận Đống Đa để sớm thu hồi đất, hoàn thiện hồ sơ pháp lý đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi chủ đầu tư dự án “Khu vui chơi giải trí Đống Đa” cho Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao.



## II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

### 1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 31/03/2015 là **363.581.960.931** đồng. Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **117.241.583.230** đồng

*Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4 - 3
<b>A</b>	<b>Tài sản đang dùng</b>	<b>351.216.487.767</b>	<b>363.581.960.931</b>	<b>12.365.473.164</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>152.684.362.462</b>	<b>165.049.835.597</b>	<b>12.365.473.135</b>
1	Tài sản cố định	46.218.674.264	56.969.367.363	10.750.693.099
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	91.482.426.501	92.845.992.080	1.363.565.579
3	Chi phí XDCB dở dang	10.784.291.968	10.784.291.968	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	2.625.108.721	2.876.323.178	251.214.457
5	Tài sản dài hạn khác	1.573.861.008	1.573.861.008	-
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>198.532.125.305</b>	<b>198.532.125.334</b>	<b>29</b>
1	Tiền	63.251.939.031	63.251.939.060	29
+	Tiền mặt tồn quỹ	1.082.756.511	1.082.756.540	29
+	Tiền gửi ngân hàng	62.169.182.520	62.169.182.520	-
4	Các khoản phải thu	121.750.175.025	121.750.175.025	-
2	Vật tư, hàng hoá tồn kho	8.938.170.223	8.938.170.223	-
3	Tài sản lưu động khác	4.591.841.026	4.591.841.026	-
<b>III</b>	<b>Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng</b>	<b>61.728.191.403</b>	<b>61.728.191.403</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>61.728.191.403</b>	<b>61.728.191.403</b>	<b>-</b>

1	Công nợ không có khả năng thu hồi	61.728.191.403	61.728.191.403	-
<b>C</b>	<b>Tài sản chờ thanh lý</b>	-	-	-
<b>D</b>	<b>Tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi, khen thưởng</b>	-	-	-
	<b>Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)</b>	<b>412.944.679.170</b>	<b>425.310.152.334</b>	<b>12.365.473.164</b>
	Trong đó: <b>Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)</b>	<b>351.216.487.767</b>	<b>363.581.960.931</b>	<b>12.365.473.164</b>
<b>E1</b>	<b>Nợ thực tế phải trả</b>	<b>246.340.377.701</b>	<b>246.340.377.701</b>	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
<b>E2</b>	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	-	-	-
<b>F</b>	<b>Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp [A-&lt;E1+E2&gt;]</b>	<b>104.876.110.066</b>	<b>117.241.583.230</b>	<b>12.365.473.164</b>

*Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp*

## 2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý:

- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp - Công ty TNHH MTV chưa thực hiện việc quyết toán thuế đến thời điểm 31/3/2015. Sau khi quyết toán thuế, nếu có chênh lệch, giá trị doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.
- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, do chưa được cung cấp Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/3/2015 của Công ty cổ phần Vật tư nông sản nên giá trị khoản đầu tư dài hạn tại Công ty cổ phần Vật tư nông sản được lấy theo giá trị sổ sách.
- Đối với các khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Bắc Hải và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đỗ Cường, khi chuyển sang Công ty cổ phần, Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ công nợ để trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2.
- Đối với khoản nợ phải trả Ngân hàng phát triển Việt Nam: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, trên sổ sách của Tổng công ty đang theo dõi công nợ phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền là 31.852.325.652 đồng; Tổng công ty đang hoàn thiện các hồ sơ và thủ tục để xin xóa nợ theo quy định; Sau khi có kết quả, giá trị doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2.
- Đối với cơ sở nhà đất tại địa chỉ 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hồ Chí Minh: Đây là tài sản gắn nợ của ngân hàng Việt Hoa. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, cơ sở nhà đất này đã được Ban chỉ đạo 09 Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất chuyển giao cho Tổng công ty để cổ phần hóa. Tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ về sở hữu cơ sở nhà đất này đang bị thất lạc. Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý quyền sử dụng cơ sở nhà đất trên.



## **PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**

### **I. MỤC TIÊU, TÊN CÔNG TY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN**

#### **1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; Sắp xếp lại tổ chức, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; Cùng các nhà đầu tư phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; Thực hiện mục tiêu Tổng công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.

Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

#### **2. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty Mẹ - Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp chọn hình thức ***“Bán toàn bộ phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kết hợp với phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”*** theo khoản 3 điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

#### **3. Tên và thông tin của công ty cổ phần**

##### **3.1. Tên gọi**

Tên đầy đủ tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên giao dịch tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên giao dịch quốc tế:	VIETNAM GENERAL CORPORATION OF AGRICULTURAL MATERIALS - JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch viết tắt:	VIGECAM

**3.2. Biểu tượng của Tổng công ty:**

Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 42132 ngày 17/07/2002, cấp lại lần thứ 01 ngày 21/04/2010. Nhãn hiệu có màu xanh, trắng. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình địa cầu, hình bản đồ Việt Nam và bông lúa.

**3.3. Trụ sở chính**

Địa chỉ	:	Số 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	04.37332359
Fax	:	04.37474647
Website	:	<a href="http://www.vigecam.vn">www.vigecam.vn</a>

**3.4. Ngành nghề kinh doanh**

Tiếp tục kế thừa ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán cafe, chè Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa	4610
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510

8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	7110
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện dùng trong mạch điện) Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4659
10	Xây dựng nhà các loại	4100
11	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ công trình xây dựng	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình: giao thông, dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	4290
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng	6810
15	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá) Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quảng cáo bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	5210
17	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

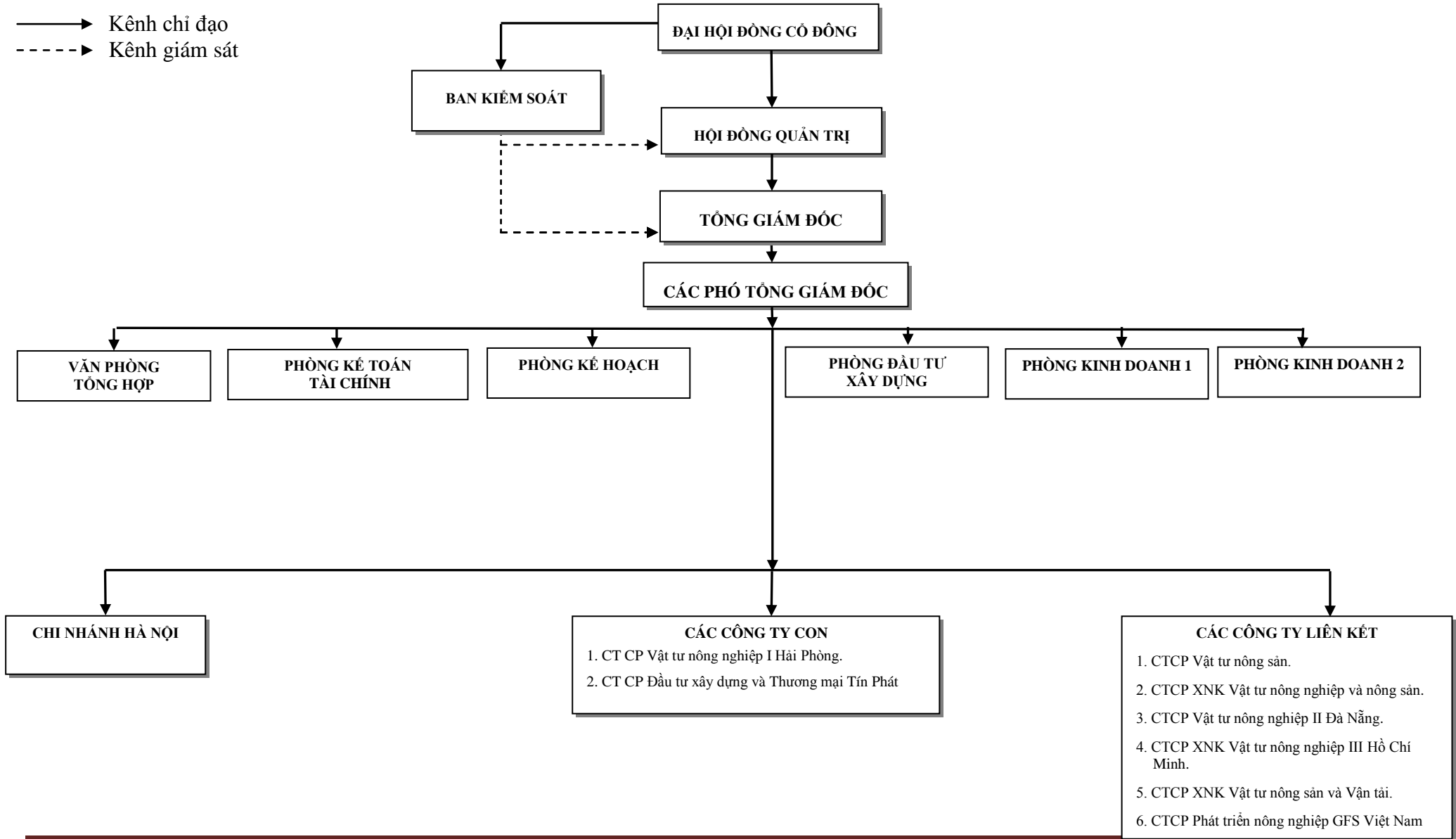
18	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
19	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7920
20	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	3290
21	Bán buôn, chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4652
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân, gia đình	4649
24	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
25	Bán buôn gạo	4631
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
27	Vận tải hàng hóa đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa	4933
28	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Vận chuyển hành khách	4932
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30	Bán buôn thực phẩm (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4632

#### **4. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty cổ phần**

##### **4.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty cổ phần**

(Xem trang sau)

—→ Kênh chỉ đạo  
 - - - - -→ Kênh giám sát



#### 4.2. Chức năng của các bộ phận

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý trực tiếp tại Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Kiểm soát:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty.
- **Ban Tổng giám đốc:** Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Tổng công ty.
- **Các phòng chức năng:** Công ty cổ phần có 06 phòng nghiệp vụ, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ như sau:
  - **Phòng Đầu tư Xây dựng:**
    - Chức năng:

Tham mưu, giúp việc và làm đầu mối cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý các dự án
    - Nhiệm vụ:
      - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ về chuẩn bị đầu tư đối với các dự án: Tổng công ty đầu tư 100% vốn; các dự án hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và thông lệ quốc tế
        - Khảo sát thị trường đối với sản phẩm dự kiến sản xuất, môi trường đầu tư, nơi Tổng công ty dự định xây dựng dự án;
        - Xây dựng Đề án (nghiên cứu tiền khả thi, khả thi) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
        - Chuẩn bị văn kiện, tài liệu, nội dung đàm phán và tham gia đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước;

- Thực hiện các nhiệm vụ về giao nhận đất, xin cấp phép xây dựng, phối hợp với các đơn vị liên quan giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;
  - Quản lý hồ sơ dự án, thiết kế hoặc thuê thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình;
  - Lập hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền lựa chọn nhà thầu;
  - Thương thảo hợp đồng với các nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
  - Các công việc khác trong quá trình chuẩn bị đầu tư.
- ✓ Quản lý, thực hiện dự án trong quá trình đầu tư theo quy định của nhà nước
    - Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công công trình;
    - Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
  - ✓ Nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo hợp đồng đã ký kết.
  - ✓ Theo dõi tình hình quản lý sử dụng đất đai, thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Tổng công ty.
  - ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đầu tư xây dựng của chủ đầu tư đối với các công việc cải tạo sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hoặc hạng mục công trình của cơ quan Tổng công ty.
  - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc giao
- **Phòng Kế toán – Tài chính:**
- Chức năng:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trên các lĩnh vực: Tài chính, đầu tư tài chính, hạch toán kế toán, phân tích hoạt động kinh tế đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty; Theo dõi công nợ, tiền hàng, các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí khác của Tổng công ty; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
  - Nhiệm vụ:
    - ✓ Trên cơ sở kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các phòng, ban, chi nhánh trong Tổng công ty tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính chung của Tổng công ty, tổ chức kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, chi nhánh thực hiện đúng kế hoạch tài chính đã đề ra;
    - ✓ Quản lý, kiểm tra và theo dõi hiệu quả sử dụng vốn tại: Tổng công ty, các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết và trên các thị trường tài chính mà Tổng công ty đầu tư;
    - ✓ Thẩm định về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế đối với các dự án đầu tư, hợp đồng kinh tế, mua bán, vay, cho vay theo sự phân cấp quản lý của Tổng công ty;



- ✓ Thực hiện nhiệm vụ hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu tại Tổng công ty; tổng hợp theo dõi tình hình hoạt động tài chính của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết;
- ✓ Phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp, xử lý và lưu giữ các tài liệu, số liệu tài chính, kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán, Luật Kế toán và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước;
- ✓ Thực hiện các tác nghiệp về nghiệp vụ kế toán trong Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu chi tài chính, thanh toán, giao nộp; Tình hình quản lý, sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của Tổng công ty kể cả vốn đưa vào liên doanh, liên kết, hợp tác;
- ✓ Tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của cơ quan Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; Lập báo cáo, quyết toán hợp nhất sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, cả năm của Tổng công ty;
- ✓ Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình Tổng công ty;
- ✓ Tư vấn, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ kế toán – tài chính cho các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho các loại hàng hóa, vật tư và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Quyết toán các dự án mà Tổng công ty đầu tư hoặc tham gia góp vốn;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 1:**

- Chức năng:
  - ✓ Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
  - ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Nhiệm vụ:
  - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
  - ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
  - ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;

- ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
  - ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
  - ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
  - ✓ Đề xuất với lãnh đạo Tổng công ty về các biện pháp quản lý nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
  - ✓ Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; Phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, quý, năm;
  - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.
- **Phòng kinh doanh 2:**
- Chức năng:
    - ✓ Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
    - ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
  - Nhiệm vụ:
    - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
    - ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
    - ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
    - ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
    - ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản – thực phẩm, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng,...;
    - ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
    - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.

➤ **Phòng kế hoạch:**

▪ Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kế hoạch và chiến lược trong sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; kiểm tra các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu của các phòng trình Tổng giám đốc duyệt.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của các phòng, ban, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra, thẩm định các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu;
- ✓ Đánh giá và phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng công ty;
- ✓ Điều phối việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường trong nước và ngoài nước đối với các mặt hàng mà Tổng công ty kinh doanh;
- ✓ Thống kê, tổng hợp các thông tin liên quan đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Lập báo cáo tổng hợp và báo cáo thống kê theo định kỳ báo cáo tổng kết năm để báo cáo Tổng giám đốc và các cơ quan hữu quan;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban và các đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho và các loại vật tư, hàng hóa và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

➤ **Văn phòng Tổng hợp:**

▪ Chức năng:

- ✓ Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự; Xây dựng quy hoạch cán bộ, các chế độ chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và đối với người lao động;
- ✓ Thanh tra – pháp chế; giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo; thi đua khen thưởng, dân quân tự vệ;
- ✓ Công tác hành chính quản trị; bảo vệ tài sản; phòng chống cháy nổ.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến để vận dụng vào thực tiễn của Tổng công ty; nghiên cứu áp dụng cải cách hành chính, lề lối làm việc, mối quan hệ giữa các phòng ban đơn vị của Tổng công ty thông suốt và hiệu quả;
- ✓ Xây dựng các phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty;

- ✓ Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty; Thực hiện việc thi chuyển ngạch, nâng lương, nâng bậc;
- ✓ Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước; Làm Sổ Bảo hiểm xã hội, theo dõi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành Nội quy lao động, Quy chế làm việc và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên trong cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương gắn với kết quả sản xuất kinh doanh;
- ✓ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật trong phạm vi của Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi, thực hiện việc nâng, trả lương và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty; theo dõi công tác an toàn, vệ sinh lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Quản lý con dấu, quản lý hồ sơ nhân sự của cán bộ công nhân viên Tổng công ty thuộc thẩm quyền quản lý;
- ✓ Soạn thảo, thẩm định tính pháp lý của các nội quy, quy chế của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về pháp lý và tư vấn đối với các hoạt động của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức phát động, hướng dẫn phong trào thi đua, theo dõi và tổng kết phong trào thi đua lao động sản xuất trong Tổng công ty;
- ✓ Đảm bảo và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các cơ sở vật chất mang tính chất văn phòng để Lãnh đạo và các phòng ban trong cơ quan Tổng công ty hoạt động tốt;
- ✓ Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ nhà cửa, trang thiết bị và tài sản của cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Đón tiếp và hướng dẫn khách đến làm việc tại Tổng công ty;
- ✓ Đưa thông tin, bảo mật và quản lý mạng LAN trong Tổng công ty; sửa chữa, bảo dưỡng (cả phần cứng, phần mềm) các computer và thiết bị ngoại vi của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện công tác văn thư lưu trữ;
- ✓ Quản lý, bố trí phương tiện đi lại và các trang thiết bị vật tư văn phòng cho lãnh đạo và cán bộ cơ quan Tổng công ty làm việc và đi công tác;
- ✓ Quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ đất đai và hồ sơ bất động sản thuộc cơ quan Tổng công ty;

- ✓ Bảo vệ tài sản; tìm kiếm đối tác và chủ động làm việc với khách hàng đến thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà cơ quan Tổng công ty - 16 Ngô Tất Tố, khách sạn 120 Quán Thánh và các tòa nhà khác của Tổng công ty;
- ✓ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường tại trụ sở Tổng công ty
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.
- **Chi nhánh Hà Nội:** Chi nhánh Hà Nội được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Phát triển nguồn nhân lực Vigecam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có chức năng bán hàng, giới thiệu sản phẩm cho Tổng công ty.
- **Tổng công ty** thực hiện giải thể chi nhánh Hải Phòng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Số lao động tại hai đơn vị này được điều chuyển về các phòng kinh doanh của Tổng công ty.
- **Các công ty con, Công ty liên kết**
  - **Các công ty con:** Có 02 Công ty con gồm: CTCP Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng và CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Tín Phát.
  - **Các công ty liên kết:** Có 06 Công ty liên kết gồm: CTCP Vật tư nông sản; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp và nông sản; CTCP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp III Hồ Chí Minh; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông sản và Vận tải; CTCP Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam.
- **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Công ty cổ phần có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

## 5. Sắp xếp lại lao động

### 5.1. Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Phương án sắp xếp lại lao động như sau:

TT	Nội dung	Tổng số
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>69</b>
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	6
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	63
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	45
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	18
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	0
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>0</b>

1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	1
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0
	a) Hết hạn hợp đồng lao động	0
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	0
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0
<b>III</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	<b>68</b>
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	68
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	0
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0
	a) Nghĩa vụ quân sự	0
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

**5.2. Số lao động không có nhu cầu sử dụng**

Không có.

**5.3. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2016 - 2018**

Tổng công ty không có nhu cầu tuyển dụng lao động trong giai đoạn 2016-2018.

Kế hoạch đào tạo lại lao động: Kế hoạch đào tạo lại lao động giai đoạn 2016-2018 của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.



## II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

### 1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

#### 1.1 Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

- Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Giá trị thực tế của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp tại thời điểm 0h ngày 31/03/2015 là **363.581.960.931 đồng**. Trong đó, Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **117.241.583.230 đồng**.
- Tỷ lệ sở hữu nhà nước tại công ty cổ phần: 0 %.
- Tình hình thị trường chứng khoán và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa.

#### 1.2 Vốn điều lệ công ty cổ phần

- Vốn điều lệ : **220.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ được tài trợ cho các nhu cầu:

Chi tiêu	2016	2017	2018
<b>Nhu cầu vốn lưu động</b>			
Tiền	5.434.461.531	8.508.100.356	10.345.872.323
Các khoản phải thu	147.667.137.004	184.948.122.450	224.897.401.421
Hàng tồn kho	71.352.191.676	89.609.802.167	109.178.038.035
Tài sản khác	12.564.102.825	15.736.116.206	19.135.158.532
Các khoản phải trả	117.715.497.185	171.361.476.823	208.466.724.336
<b>Tổng nhu cầu vốn lưu động</b>	<b>119.302.395.852</b>	<b>127.440.664.356</b>	<b>155.089.745.975</b>
Vốn vay	59.651.197.926	63.720.332.178	77.544.872.987
Vốn tự có (1)	59.651.197.926	63.720.332.178	77.544.872.987

<b>Tài sản dài hạn chuyển sang, trong đó:</b>	<b>154.997.563.120</b>
- Tài sản cố định	60.020.817.413
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	92.845.992.080
- Các tài sản dài hạn khác	2.130.753.626
- Các khoản phải thu dài hạn khác	0
Vay nợ dài hạn chuyển sang	0
Vốn CSH đã sử dụng (2)	154.997.563.120

<b>TSCĐ đầu tư mới</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	-
Vốn vay	-	-	-
Vốn tự có (3)	10.000.000.000	-	-
<b>Vốn điều lệ dự kiến (1+2+3) (Đã làm tròn)</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>220.000.000.000</b>

- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng/cổ phần**
- Số lượng cổ phần : **22.000.000 cổ phần**

#### 1.3 Cổ phần:

Tất cả cổ phần của Tổng công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

**1.4 Đối tượng mua cổ phần:**

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Công ty mẹ (người lao động đang làm việc tại Văn phòng Công ty mẹ, các Chi nhánh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 05/10/2015).
- Tổ chức công đoàn tại Văn phòng Công ty mẹ, các Chi nhánh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài.

**1.5 Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông**

*Cơ cấu vốn điều lệ:* Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

TT	Danh mục	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần nhà nước	0	0	0 %
2	Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó:	238.200	2.382.000.000	1,08%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	84.700	847.000.000	0,38%
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác)	61.000	610.000.000	0,28%
2.3	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác)	92.500	925.000.000	0,42%
3	Cổ phần bán cho Tổ chức công đoàn	11.220	112.200.000	0,05%
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	21.750.580	217.505.800.000	98,87%
4.1	Nhà đầu tư chiến lược	15.400.000	154.000.000.000	70%
4.2	Bán đấu giá công khai	6.350.580	63.505.800.000	28,87%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>22.000.000</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**1.5.1. Cổ phần nhà nước**

Số lượng cổ phần do Nhà nước nắm giữ sau cổ phần hóa là **0 cổ phần**, chiếm 0% vốn điều lệ. Việc đề xuất vốn Nhà nước 0% dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp thuộc đối tượng Nhà nước không giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần.
- Với tỷ lệ Nhà nước nắm giữ 0% vốn điều lệ, tỷ lệ bán cho Tổ chức công đoàn và cán bộ nhân viên là 1,13% thì tỷ lệ chào bán ra bên ngoài là 98,87%. Việc chào bán cổ phần ra bên ngoài với tỷ lệ lớn nhằm mục đích tăng sức hấp dẫn đối với thị trường, giúp cho quá

trình cổ phần hóa Tổng công ty thay đổi theo chiều sâu và thay đổi thực chất trong quản trị doanh nghiệp với mục tiêu lớn nhất là nhằm hướng tới thay đổi căn bản cấu trúc doanh nghiệp. Bên cạnh đó việc tăng sở hữu của cổ đông bên ngoài cũng có nghĩa là trách nhiệm và quyền lợi đối với các cổ đông mới sẽ lớn hơn, qua đó tạo động lực để nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế

#### 1.5.2. Cổ phần ưu đãi bán cho CBCNV

a) *Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLD) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

Tổng số lao động	:	69 người
Tổng số LĐ được mua CP theo giá ưu đãi	:	68 người
Tổng số năm công tác	:	847 năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	:	84.700 cổ phần, tương đương 0,38% Vốn điều lệ
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	:	Không
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

b) *Cổ phần đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

Tiêu chí xác định tại	:	Biên bản Hội nghị người lao động ngày 25/08/2015
Tổng số LĐ cam kết làm việc lâu dài	:	58 người
Tổng số CP được mua theo cam kết số năm làm việc	:	153.500 cổ phần, tương đương 0,7% Vốn điều lệ
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(200cp/1 năm)</i>	:	<i>61.000 cổ phần, tương đương 0,28% Vốn điều lệ</i>
- <i>Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(500cp/1 năm)</i>	:	<i>92.500 cổ phần, tương đương 0,42% Vốn điều lệ</i>
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	:	Hạn chế chuyển nhượng theo thời gian

- cam kết làm việc
- Giá bán : Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
- Thời gian thực hiện dự kiến : Sau khi thực hiện đấu giá công khai
- ❖ Tiêu chí mua cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết:
- ✓ *Tiêu chí mua thêm cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết của người lao động:*
    - Là người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.
    - Có thời gian cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Tổng công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
  - ✓ *Tiêu chí mua thêm cổ phần ưu đãi đối với người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao:* Chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao là cán bộ công nhân viên Tổng công ty thỏa mãn điều kiện trong các tiêu chí sau đây:

Đối với cán bộ quản lý:

    - *Tại các phòng ban Tổng công ty: là các chức danh từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên, được bình xét là lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ 03 năm liền (2012, 2013, 2014);*
    - *Tại các Chi nhánh, đơn vị phụ thuộc: là các chức danh từ Phó Giám đốc trở lên, được bình xét là lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ 03 năm liền (2012, 2013, 2014);*

Đối với nhân viên thừa hành nghiệp vụ trong doanh nghiệp: *Bậc 6/8, tương ứng với hệ số lương 3,89 (Bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ ở các công ty nhà nước; ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của chính phủ) trở lên đối với Chuyên viên, kỹ sư hoặc đã được hưởng ngạch chuyên viên chính, kỹ sư chính từ bậc 3/6 trở lên, tương ứng với hệ số lương 4,66 (Bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ ở các công ty nhà nước; ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của chính phủ); hoặc là người có trình độ thạc sỹ trở lên, được bình xét là lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ 03 năm liền (2012, 2013, 2014).*

#### 1.5.3. Cổ phần ưu đãi bán cho tổ chức công đoàn:

Tổ chức công đoàn Văn phòng Tổng công ty đăng ký mua 11.220 cổ phần. Giá bán cho Tổ chức công đoàn: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá. Cổ phần ưu đãi bán cho Tổ chức công đoàn bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 1.5.4. Cổ phần bán ra bên ngoài cho các đối tượng khác:

##### a. Cổ phần bán đấu giá công khai

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cụ thể như sau:

- ❖ Số cổ phần tổ chức bán đấu giá: **6.350.580 cổ phần**, tương ứng 28,87% Vốn điều lệ
- ❖ Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- ❖ Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

**b. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

- ❖ Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là: **15.400.000 cổ phần**, tương ứng 70% Vốn điều lệ. Số lượng cổ phần không bán hết do người lao động, Tổ chức công đoàn từ chối mua và nhà đầu tư trong cuộc đấu giá công khai không đăng ký hoặc từ chối mua sau khi được xử lý theo quy định tại khoản 2, Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần mà vẫn không bán hết sẽ được tiếp tục bán cho các nhà đầu tư chiến lược.
- ❖ Căn cứ đề xuất bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:
  - Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược với tỷ lệ 70% phù hợp với quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể “*Riêng đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn có vốn nhà nước trên 500 tỷ đồng hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề đặc thù (như: bảo hiểm, ngân hàng, bưu chính viễn thông, hàng không, khai thác than, dầu khí, khai thác mỏ quý hiếm khác) và các công ty mẹ thuộc các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thì tỷ lệ cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư do Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền xem xét, quyết định cụ thể*”.
  - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp nói chung và phân bón hóa học nói riêng. Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận hàng năm đạt kết quả thấp. Theo đó, sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty mong muốn kết hợp với các đối tác chiến lược nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh, tạo bước đột phá để thúc đẩy Tổng công ty phát triển. Khi đó, việc thu hút và lựa chọn đối tác chiến lược phù hợp là yếu tố hết sức quan trọng.

Để đạt được mục tiêu trên, việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nên hướng tới các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm hoạt động lâu năm. Bên cạnh đó, để hội tụ sức mạnh, tận dụng tối đa lợi thế từ các nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty nhận thấy nên lựa chọn hơn 01 nhà đầu tư chiến lược. Hơn nữa, việc lựa chọn hơn 01 nhà đầu tư chiến lược nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý và điều hành hoạt động của Tổng công ty sau khi trở thành công ty cổ phần, đồng thời đảm bảo lợi ích cho các cổ đông nhỏ lẻ bao gồm cán bộ công nhân viên của Tổng công ty và các cổ đông khác.

Do đó, với mong muốn thu hút được nhiều nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia đối tác chiến lược, Tổng công ty đề xuất tỷ lệ chào bán cho cổ đông chiến lược với tỷ lệ 70%. Với việc được sở hữu tỷ lệ cổ phiếu lớn, các cổ đông chiến lược được cử người tham

gia Hội đồng quản trị và có thể quyết định một số vấn đề mang tính chiến lược của Tổng công ty (các vấn đề cần tỷ lệ biểu quyết 65% cổ phiếu thông qua).

❖ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Tổng công ty xây dựng tiêu chí nhà đầu tư chiến lược và được Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận tại Văn bản số 7871/BNNQLDN ngày 24/9/2015 như sau:

✓ *Tiêu chí chung:*

- Là các nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoặc lĩnh vực tài chính, tín dụng;
- Có năng lực tài chính, có lợi nhuận ròng dương trong 2 năm liên tiếp trước năm đăng ký làm cổ đông chiến lược và không có lỗ lũy kế;
- Có khả năng hỗ trợ, khai thác và phát triển các nguồn lực hiện có của Tổng công ty;
- Có khả năng hỗ trợ Tổng công ty trong việc tái cấu trúc về đầu tư, tài chính, tổ chức, quản trị nguồn nhân lực;
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng công ty và hỗ trợ Tổng công ty sau cổ phần hóa về hoạt động kinh doanh, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- Có cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thỏa thuận nào nhằm hoặc dẫn đến thiệt hại cho Tổng công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Có cam kết bằng văn bản về việc mua hết số cổ phần đăng ký và nắm giữ cổ phần tại Tổng công ty tối thiểu 5 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp hiện hành;

✓ *Đối với nhà đầu tư chiến lược hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phải đáp ứng thêm các tiêu chí sau:*

- Có vốn điều lệ tối thiểu là 100 tỷ đồng;
- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp hoặc kinh doanh sản xuất vật tư nguyên liệu phục vụ nông sản;
- Có khả năng hỗ trợ Tổng công ty trong các lĩnh vực:
  - + Tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ vật tư nông nghiệp hoặc kinh doanh sản xuất vật tư nguyên liệu phục vụ nông sản;
  - + Tiếp thị sản phẩm của Tổng công ty ra thị trường trong nước và nước ngoài, giúp nâng cao nhận biết của người tiêu dùng đối với sản phẩm, thương hiệu của Tổng công ty.
- Có khả năng hỗ trợ Tổng công ty ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh;
- Có mạng lưới hoạt động rộng lớn cả trong và ngoài nước;
- Có mối quan hệ với nhiều đối tác, khách hàng.



✓ Đối với nhà đầu tư chiến lược hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tín dụng phải đáp ứng thêm các tiêu chí sau:

- Có tiềm lực mạnh, quy mô vốn và tài sản lớn; Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng; Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 1.000 tỷ đồng vào năm trước năm đăng ký tham gia cổ đông chiến lược;
- Có khả năng hỗ trợ Tổng công ty trong việc cung ứng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, hỗ trợ Tổng công ty trong hoạt động thanh toán, bảo lãnh thanh toán;
- Tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng không quá 2,5% vào năm trước năm đăng ký tham gia cổ đông chiến lược.

❖ Phương án lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Thông báo số 9604/TB-BNN-QLDN ngày 24/11/2015 thông báo kết luận cuộc họp Ban chỉ đạo cổ phần hóa thẩm định Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, Tổng công ty thực hiện lại quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Hội đồng thành viên Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 81/QĐ-VTNN-HĐTV ngày 03/12/2015 phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp như sau:

- Bước 1: Nếu số lượng nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia hoặc số lượng cổ phần đăng ký mua vượt quá quy định sẽ tiến hành đàm phán giữa các nhà đầu tư để lựa chọn đủ số lượng và tỷ lệ cổ phần đăng ký mua của các nhà đầu tư chiến lược.
- Bước 2: Sau khi đàm phán, nếu số lượng nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia hoặc số lượng cổ phần đăng ký mua vẫn vượt quá quy định, tiến hành lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược bằng phương pháp chấm điểm; cụ thể như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa
<b>I</b>	<b>Phương án phát triển, sản xuất kinh doanh và kế hoạch hỗ trợ Tổng Công ty sau cổ phần hóa</b>	<b>40</b>
1	Chiến lược kinh doanh rõ ràng, Phương án kinh doanh tốt phù hợp với thực trạng Tổng công ty	10
1.1	<i>Có mục tiêu chiến lược, định hướng phát triển dài hạn phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty</i>	5
1.2	<i>Phương án kinh doanh đạt hiệu quả cao và có tính khả thi</i>	5
2	Có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ Tổng công ty về: Chuyển giao công nghệ mới; Đào tạo nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực tài chính, tiếp cận những nguồn vốn vay tốt, góp thêm vốn vào Tổng công ty, quản trị doanh nghiệp, điều hành và mở rộng, phát triển thị trường trong nước và nước ngoài.	10
3	Có chung quan điểm, định hướng phát triển dài hạn và có nét tương đồng trong văn hóa quản trị phù hợp với lợi ích và chiến lược phát triển của Tổng công ty; Có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương đồng với ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Vigecam.	10

4	Nhà đầu tư đã từng tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là lĩnh vực xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản (đã từng đầu tư và có thị trường XNK rộng, có nhiều quan hệ với các đối tác nước ngoài)	10
<b>II</b>	<b>Báo cáo tài chính đã kiểm toán</b>	<b>30</b>
1	Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	15
1.1	<i>Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu năm 2014 tối thiểu 5% (theo điều kiện niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)</i>	15
1.2	<i>Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu năm 2014 nhỏ hơn 5%</i>	10
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	15
2.1	<i>Khả năng thanh toán hiện hành năm 2014 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) <math>\geq 1</math> (đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn)</i>	15
2.2	<i>Khả năng thanh toán hiện hành năm 2014 <math>&lt; 1</math></i>	10
3	Yếu tố giảm trừ	
	<i>BCTC 3 năm gần nhất nếu có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên thì cứ mỗi năm bị trừ 5 điểm</i>	-15
<b>III</b>	<b>Tình hình tài chính lành mạnh, quy mô vốn lớn</b>	<b>30</b>
1	Chỉ tiêu vốn điều lệ (Vốn đầu tư của Chủ sở hữu)	20
1.1	<i>Có nguồn Vốn Điều lệ 2 năm gần nhất trên BCTC đạt tối thiểu 220 tỷ đồng (bằng vốn điều lệ của Tổng công ty)</i>	20
1.2	<i>Có nguồn Vốn Điều lệ 2 năm gần nhất trên BCTC đạt tối thiểu từ 100 tỷ đến 220 tỷ đồng (nhỏ hơn vốn điều lệ của Tổng công ty)</i>	10
1.3	<i>Có nguồn Vốn Điều lệ 1 năm gần nhất trên BCTC đạt tối thiểu từ 100 tỷ đồng trở lên</i>	5
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn chủ sở hữu	10
2.1	<i>Có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản tối thiểu là 50% theo BCTC đã kiểm toán 2 năm gần nhất</i>	10
2.2	<i>Có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản nhỏ hơn 50% một trong 2 năm gần nhất theo BCTC đã kiểm toán</i>	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100</b>

Các nhà đầu tư có kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên được lựa chọn vào danh sách nhà đầu tư chiến lược.

- Bước 3: Sau khi lựa chọn, tiếp tục đàm phán, trường hợp số lượng nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc số lượng cổ phần đăng ký mua vượt quá quy định thì tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định hiện hành

❖ Danh sách nhà đầu tư chiến lược

- Căn cứ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hoá Tổng công ty đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận tại Văn bản số 7871/BNN-QLDN ngày 24/9/2015; Tổng công ty đã đăng Thư mời bổ sung tham gia đối tác chiến lược trên báo Quân đội nhân dân, trang điện tử của Tổng công ty và của đơn vị tư vấn.
- Tổng cộng có 06 (sáu) nhà đầu tư gửi Hồ sơ đề nghị tham gia làm nhà đầu tư chiến lược, gồm có:
  - + Công ty Cổ phần Hóa chất công nghiệp Tân Long
  - + Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng
  - + Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty CP
  - + Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không
  - + Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
  - + Tổng công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Nghệ An.
- Vào hồi 14h45' ngày 04/12/2015, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp và đơn vị tư vấn (Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội) đã cùng nhau tiến hành mở niêm phong, kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ nhà đầu tư. Căn cứ tiêu chí nhà đầu tư chiến lược đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận và yêu cầu về nội dung hồ sơ nhà đầu tư chiến lược tại Thư mời bổ sung tham gia đối tác chiến lược ngày 30/11/2015 của Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, kết quả như sau:
  - Danh sách nhà đầu tư không nộp đủ hồ sơ, không đạt điều kiện:
    - + Công ty Cổ phần Hóa chất công nghiệp Tân Long
    - + Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng
    - + Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
  - Danh sách nhà đầu tư đáp ứng đủ hồ sơ và tiêu chí, đạt điều kiện để xem xét, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:
    - + Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CT CP: Đăng ký 45% Vốn điều lệ
    - + Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không: Đăng ký 30% Vốn điều lệ
    - + Tổng công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Nghệ An: Đăng ký 70% Vốn điều lệ
- Thực hiện Quyết định số 81/QĐ-VTNN-HĐTV ngày 03/12/2015 của Hội đồng thành viên về việc phê duyệt Phương án lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, Hội đồng lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã tiến hành thực hiện các bước lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như sau:

**Bước 1:** Ngày 11/12/2015, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp đã tổ chức buổi đàm phán giữa các nhà đầu tư đạt tiêu chí và điều kiện để đàm phán về tỷ lệ đăng ký mua cổ phần giữa các nhà đầu tư. Kết thúc buổi đàm phán, các nhà đầu tư sau khi thảo luận vẫn giữ nguyên tỷ lệ đăng ký tham gia cổ đông chiến lược theo đúng hồ sơ đã đăng ký.

**Bước 2:** Chấm điểm các nhà đầu tư và lựa chọn danh sách nhà đầu tư chiến lược. Căn cứ kết quả chấm điểm, đối chiếu với quy định về tiêu chí lựa chọn của Phương án lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được Hội đồng thành viên phê duyệt, Hội đồng thống nhất lựa chọn, báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty xem xét, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, cụ thể như sau:

- + Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP: Đăng ký 45% Vốn điều lệ
- + Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không: Đăng ký 30% Vốn điều lệ

**Bước 3:** Để đảm bảo tỷ lệ cổ phần bán cho các nhà đầu tư chiến lược theo đúng phương án đã xây dựng; ngày 16/12/2015, Tổng công ty đã tổ chức buổi đàm phán giữa các nhà đầu tư được lựa chọn để thống nhất tỷ lệ cổ phần đăng ký. Các nhà đầu tư sau khi thảo luận đã thống nhất tỷ lệ đăng ký tham gia cổ đông chiến lược như sau:

- + Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP: Đăng ký 45% vốn Điều lệ
- + Công ty CP Bảo hiểm hàng không: Đăng ký 25% vốn Điều lệ

➤ Các hội nghị thông qua danh sách nhà đầu tư chiến lược

- Ngày 15/12/2015, Hội nghị cán bộ chủ chốt Tổng công ty đã tiến hành họp và nhất trí danh sách nhà đầu tư chiến lược theo đề xuất của Hội đồng lựa chọn.
- Ngày 15/12/2015, Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty đã họp và ban hành Nghị quyết số 99-NQ/ĐU thống nhất lựa chọn danh sách nhà đầu tư chiến lược theo kết quả lựa chọn của Hội nghị cán bộ chủ chốt Tổng công ty.
- Ngày 16/12/2015, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã họp và ban hành Nghị quyết số 12/NQ-VTNN-HĐTV về việc thống nhất lựa chọn danh sách nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp.
- Ngày 11/01/2016, Hội nghị người lao động bất thường Tổng công ty Vật tư nông nghiệp đã nhất trí thông qua lựa chọn danh sách nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hoá Tổng công ty như sau:

- + Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP: Đăng ký 45% Vốn Điều lệ
- + Công ty CP Bảo hiểm hàng không: Đăng ký 25% Vốn Điều lệ

Căn cứ Quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và các biên bản, nghị quyết về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, Tổ giúp việc cổ phần hóa kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp như sau:

- Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP: Đăng ký 45% Vốn điều lệ (Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP đã hoàn tất quá trình cổ phần hóa, chính thức chuyển thành công ty cổ phần, trong đó Nhà nước không nắm giữ cổ phần).
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không: Đăng ký 25% Vốn điều lệ

- ❖ Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Bán sau khi thực hiện đấu giá công khai.
- ❖ Phương thức bán cho nhà đầu tư chiến lược: Thỏa thuận trực tiếp.
- ❖ Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược: Giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

## 2. Tổ chức bán cổ phần:

### 2.1 Giá khởi điểm:

Phương pháp tính giá khởi điểm: Theo hai phương pháp tính giá cổ phần là Chiết khấu dòng tiền tự do (FCFF) và Chiết khấu dòng cổ tức (DDM), giá trị cổ phần như sau:

STT	Phương pháp định giá	Giá trị Vốn chủ sở hữu tại Tổng công ty	Giá trị cổ phần
1	FCFF	211.969.825.100	9.635
2	DDM	230.243.207.734	10.466
	<b>Bình quân</b>		<b>10.050</b>

Như vậy, kết hợp 2 phương pháp định giá cho giá trị cổ phần bình quân là 10.050 đồng/cổ phần.

Dựa trên kết quả định giá nêu trên, Tổng công ty dự kiến mức giá chào bán như sau:

- Giá khởi điểm chào bán cổ phần thông qua hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội: 10.100 đồng/cổ phần.
- Giá khởi điểm chào bán thỏa thuận cho nhà đầu tư chiến lược: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Giá bán ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá công khai.
- Giá bán cho CBCNV cam kết mua thêm: Bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá công khai.

### 2.2 Thời gian bán cổ phần:

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa, Tổng công ty triển khai theo kế hoạch bán đấu giá cổ phần.

Từ kết quả bán đấu giá cổ phần, Tổng công ty tiếp tục triển khai bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, Tổ chức công đoàn và bán cổ phần cho cổ đông chiến lược.

### 2.3 Cơ quan bán cổ phần:

- Bán cổ phần cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo Tổng công ty bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
- Bán cổ phần cho người lao động và Tổ chức công đoàn: Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo Tổng công ty bán cổ phần cho người lao động, Tổ chức công đoàn.

**III. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA****1. Chi phí cổ phần hóa**

Tổng công ty dự kiến mức chi phí cổ phần hoá như sau:

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp tại Doanh nghiệp</b>	<b>435.000.000</b>
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa	20.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	50.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ	100.000.000
4	Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	40.000.000
5	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	25.000.000
6	Chi phí tổ chức bán đấu giá trên sàn	150.000.000
7	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	50.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>250.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Thù lao hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ giúp việc</b>	<b>474.000.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>115.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.274.000.000</b>

Chi phí cổ phần hoá sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh sau khi kết thúc quá trình cổ phần hoá.

**2. Thu từ cổ phần hóa và quản lý số tiền thu được từ cổ phần hóa**

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Tổng công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.100 đồng/CP, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	220.000.000.000
2	Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	117.241.583.230
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	221.812.483.200
a	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	513.282.000
b	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm	1.550.350.000
c	Thu từ bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn	67.993.200
d	Thu từ bán cho cổ đông chiến lược	155.540.000.000



<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>
e	Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá	64.140.858.000
4	Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, Tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	220.000.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2)	102.758.416.770
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	1.274.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	-
8	Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (8) = { (3) - (4) - (6) - (7) } x { (5)/(1) }	251.516.731
<b>9</b>	<b>Tổng số hoàn vốn ngân sách (9) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8)</b>	<b>117.780.066.430</b>

#### **IV. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA**

##### **1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội và triển khai dự án thi công**

###### **1.1. Tình hình kinh tế - xã hội**

- ❖ Tăng trưởng kinh tế: Hiện nay, kinh tế chung Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực và dần đi vào ổn định hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Năm 2014, tăng trưởng GDP đạt 5,98% so với năm 2013.
- ❖ Lạm phát: Năm 2014, tỷ lệ lạm phát đã được kiềm chế rất tốt, cả năm chỉ tăng khoảng 4,09%, thấp hơn mục tiêu do Quốc hội đề ra là 7%.
- ❖ Lãi suất: Trong thời gian gần đây, lãi suất huy động liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Hiện nay, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất cho vay dao động từ 8% - 10%/năm đang giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp.
- ❖ Dự kiến các chỉ tiêu năm 2015 như sau: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,2%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng khoảng 5%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu ở mức 5%; Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP 5%; Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 30% GDP.
- ❖ Mục tiêu tổng quát của Việt Nam trong các năm tiếp theo là vẫn tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn và vững chắc hơn. Tiếp tục phát triển văn hóa xã hội, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng lãng phí. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.
- ❖ Theo đó các giải pháp được đưa ra gồm:

- ✓ Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô:
  - Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khoá, kiểm soát tốt lạm phát. Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến lạm phát. Tăng dự trữ ngoại tệ phù hợp với yêu cầu tăng trưởng gắn với bảo đảm chất lượng tín dụng. Ổn định tỷ giá, thị trường ngoại hối, tăng dự trữ ngoại tệ và bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam. Thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển lành mạnh.
  - Đẩy mạnh xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, bảo đảm chất lượng và xây dựng thương hiệu hàng hóa. Khai thác tốt nhất các cam kết quốc tế và thị trường hiện có. nỗ lực đàm phán để mở thêm thị trường mới thông qua các Hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực. Đa dạng hóa và không để phụ thuộc vào một thị trường. Sử dụng các biện pháp phù hợp kiểm soát nhập khẩu. Nâng cao hiệu quả xử lý các tranh chấp thương mại.
  - Tăng cường huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đa dạng hóa các kênh huy động vốn, các hình thức đầu tư. Có cơ chế phù hợp để tăng tính thương mại của các dự án, khuyến khích đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài tham gia xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.
- ✓ Tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh
  - Thực hiện các biện pháp phù hợp để tăng tổng cầu và hỗ trợ phát triển thị trường. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư, tập trung vào các công trình quan trọng, cấp bách. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng. Quan tâm phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tập trung chỉ đạo và có biện pháp cụ thể đối với từng Bộ ngành, địa phương để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng nhanh công nghệ thông tin, tạo thuận lợi tối đa, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đất đai, xây dựng, thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp, thực hiện đầu tư, tiếp cận điện năng...
  - Thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi để hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo ngành, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, khuyến công khuyến nông, sản xuất chế biến tiêu thụ nông sản và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.
- ✓ Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng
  - Tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế và tái cơ cấu ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, phát triển kinh tế xanh; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thực hiện khẩn trương, chặt chẽ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa và thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Bán phần vốn nhà nước trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối. Nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Khuyến khích xã hội hóa trong sản xuất kinh doanh; phát triển nhanh doanh nghiệp tư nhân và kinh tế hợp tác.
- Huy động các nguồn lực đầu tư tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung chuyển đổi cơ cấu, đổi mới tổ chức sản xuất và tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Nhân rộng mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ nông sản; xây dựng cánh đồng lớn; sản xuất theo chuỗi giá trị; hợp tác trong khai thác hải sản và phát triển các hình thức sản xuất kinh doanh hiệu quả. Tăng cường quản lý chất lượng đầu vào, đầu ra trong sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện cụ thể và nguồn lực địa phương. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khẩn trương sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường.
- Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng và tỷ trọng giá trị nội địa cao. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, sản xuất vật tư và máy móc phục vụ nông nghiệp, vật liệu mới, khai thác chế biến dầu khí, năng lượng tái tạo, môi trường... Tạo thuận lợi phát triển phù hợp, lành mạnh thị trường bất động sản.

Như vậy có thể thấy tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần được ổn định và phát triển sau cuộc khủng hoảng, bên cạnh đó, Chính phủ cũng hết sức chú trọng trong phát triển kinh tế xã hội và hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh.

## **1.2. Tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của Tổng công ty**

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng; triển khai sản xuất đưa sản phẩm phân bón NPK của Dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên, Hải Phòng ra thị trường.
- Tiếp tục duy trì kinh doanh các loại phân bón: Kaly, Ure, DAP, NPK, SA...; thường xuyên theo dõi diễn biến nguồn và giá cả phân bón nội địa để quyết định nhập khẩu về tiêu thụ trong nước; tích cực tìm kiếm thị trường các tỉnh đồng bằng Bắc bộ, các tỉnh Nam Trung bộ để đưa sản phẩm phân bón nhà châm hiệu “Con lười” vào thị trường.
- Chú trọng công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường kinh doanh các ngành hàng nông sản nội địa và xuất khẩu chè.

## **2. Triển vọng phát triển của ngành và vị thế của Tổng công ty**

### **2.1. Triển vọng phát triển của ngành**

Tình hình kinh tế trong nước năm 2015 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn do những tồn tại tích tụ và kéo dài từ nhiều năm trước. Song do nền kinh tế thế giới đang dần từng bước

thoát ra suy thoái, tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp giảm, thị trường dần ổn định, nhu cầu tiêu dùng được cải thiện, giá cả các mặt hàng nông sản tăng sẽ giúp người nông dân tự tin đầu tư nhiều hơn vào sản xuất nông nghiệp và kích cầu sức mua, khi đó các doanh nghiệp kinh doanh Vật tư nông nghiệp nói chung và phân bón nói riêng sẽ có nhiều thuận lợi trong công tác sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do nền kinh tế và thị trường chưa ổn định nên việc nhập khẩu và kinh doanh phân bón trong nước dự báo sẽ còn khó khăn.

## **2.2. Vị thế của Tổng công ty trong ngành**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó kinh doanh phân bón hoá học phục vụ sản xuất nông nghiệp là chủ lực. Trải qua hơn 50 năm hoạt động và phát triển, Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp luôn là doanh nghiệp có uy tín trên thị trường. Tổng công ty Vật tư nông nghiệp luôn giữ vai trò là một đơn vị hậu cần lớn của sản xuất nông nghiệp cả nước. Hàng năm cung ứng một khối lượng rất lớn phân bón hoá học và các loại vật tư chuyên dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ, góp phần không nhỏ làm tăng sản lượng lương thực, đảm bảo ổn định đời sống của toàn dân trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong thời bình. Đối với ngành xuất khẩu chè, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan & Hiệp hội chè tại thời điểm 31/12/2014, năm 2014 Tổng công ty Vật tư nông nghiệp xếp thứ 58/330 Doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam. Các khách hàng của Tổng công ty là những đối tác truyền thống.

## **3. Phân tích SWOT**

### **3.1. Điểm mạnh**

- Tổng công ty là doanh nghiệp có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp nói chung và phân bón hoá học nói riêng. Tổng công ty có lợi thế là một đơn vị kinh doanh cung ứng vật tư nông nghiệp lớn, có các đơn vị cấp I trực thuộc đóng tại các đầu mối tiếp nhận vật tư ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.
- Lực lượng cán bộ lãnh đạo cũng như cán bộ quản lý bộ phận kinh doanh là những con người đầy năng lực và có bề dày kinh nghiệm trong ngành. Môi trường đào tạo và làm việc chuyên nghiệp giúp cho lực lượng lao động của Tổng công ty ngày càng hoàn thiện về chất lượng.
- Tổng công ty đã tạo dựng được mối quan hệ tốt với các bạn hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu mặt hàng chè, các khách hàng luôn tin cậy vào chất lượng sản phẩm và gắn bó lâu năm với Tổng công ty.

### **3.2. Điểm yếu**

- Đối với Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, trong năm 2015 ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Tổng công ty còn phải tập trung rất nhiều thời gian, nhân lực và vật lực vào công tác thu hồi, xử lý công nợ, tái cơ cấu tài chính và tài sản phục vụ cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty trong năm 2015, đồng thời do công nợ tồn đọng kéo dài, khả năng thu hồi chậm, không chủ động về nguồn vốn tự có, trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải phụ thuộc phần lớn vào nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại và của các tổ chức tín dụng khác luôn có lãi suất khá cao so với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, điều đó sẽ có những tác động

không nhỏ, ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đối với lĩnh vực xuất khẩu chè, Tổng công ty chưa mở rộng mạng lưới khách hàng. Hầu hết các đối tác của Tổng công ty đều là khách hàng truyền thống. Điều này xuất phát từ mục tiêu duy trì sự ổn định trong nhu cầu tiêu thụ. Tổng công ty chưa mạnh dạn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những thị trường khó tính với yêu cầu chất lượng sản phẩm cao hơn, mẫu mã bao bì đẹp hơn...
- Đối với lĩnh vực kinh doanh phân bón hóa học, Tổng công ty chưa có hệ thống các đại lý phân phối sản phẩm và đối tác bán lẻ.
- Công tác marketing chưa được Tổng công ty quan tâm đúng mức.

### **3.3. Cơ hội**

- Ngành Nông nghiệp đang được nhà nước quan tâm và tạo nhiều điều kiện phát triển. Do đó, Tổng công ty cũng có nhiều cơ hội để phát triển kinh doanh.
- Nhu cầu phân bón trong giai đoạn 2015 – 2020 được dự báo rất lớn. Hiện tại các loại phân bón được sử dụng phổ biến gồm: Ure, SA, DAP, Lân, Kali và phân bón hỗn hợp NPK. Trong khi nhu cầu Đạm, Lân, Kali giữ nguyên hoặc giảm nhẹ thì các loại phân phức hợp như NPK, DAP lại tăng lên. Điều này phản ánh xu hướng thay đổi tập quán canh tác của nông dân trong việc tăng cường sử dụng các loại phân bón phức hợp.
- Nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng nông sản trong nước và thế giới cũng ngày càng cao.

### **3.4. Thách thức**

- Chính phủ đóng vai trò quan trọng hỗ trợ sự phát triển ngành nhưng vẫn chưa có các chính sách mang tính chất đột biến, cách mạng hóa để giúp các doanh nghiệp vượt qua khả năng hiện tại của mình.
- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đang được đánh giá còn nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế và tín dụng vẫn chưa được khắc phục hết. Tăng trưởng GDP giai đoạn tới được dự báo thấp do điều kiện môi trường kinh tế còn nhiều rủi ro bất định.
- Khủng hoảng kinh tế và tài chính dẫn đến các doanh nghiệp khó để tiếp cận các nguồn vốn vay làm ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng tăng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành ngày càng quyết liệt hơn. Các doanh nghiệp trong nước nói chung và Tổng công ty nói riêng đã và đang gặp rất nhiều khó khăn do tiềm lực tài chính yếu.

## **4. Tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:**

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Tổng công ty xây dựng tầm nhìn, mục tiêu, định hướng của Công ty cổ phần như sau:

### **4.1. Tầm nhìn**



Mở rộng quy mô, phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, quan tâm đến việc tích tụ vốn và phát triển bền vững, nâng cao vai trò của Tổng công ty vật tư nông nghiệp trên thị trường trong nước và Quốc tế.

#### **4.2. Mục tiêu**

##### *a) Mục tiêu tổng quát*

- Khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm phấn đấu đạt được mục tiêu: Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Phát triển bền vững những ngành hàng, lĩnh vực mà Tổng công ty có lợi thế, lấy lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó có phân bón, thu mua nông sản thô để sản xuất tinh chế, chế biến xuất khẩu, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi,... là những ngành hàng kinh doanh chính để phát triển trên lợi thế về cơ sở vật chất mà Tổng công ty đã có sẵn.
- Phát huy nội lực kết hợp với hợp tác đầu tư và hạn chế rủi ro, khai thác tối đa lợi thế của Tổng công ty và cơ hội của nền kinh tế mang lại cho Tổng công ty. Tập trung mọi nguồn lực cho việc mở rộng thị trường những mặt hàng mà Tổng công ty có lợi thế, đã cơ bản có thị trường mua vào và thị trường bán ra.

##### *b) Mục tiêu cụ thể*

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng; triển khai sản xuất đưa sản phẩm phân bón NPK của Dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên, Hải Phòng ra thị trường.
- Tiếp tục duy trì kinh doanh các loại phân bón: Kaly, Ure, DAP, NPK, SA...; thường xuyên theo dõi diễn biến nguồn và giá cả phân bón nội địa để quyết định nhập khẩu về tiêu thụ trong nước; tích cực tìm kiếm thị trường các tỉnh đồng bằng Bắc bộ, các tỉnh Nam Trung bộ để đưa sản phẩm phân bón nhà chậm hiệu “Con lười” vào thị trường.
- Chú trọng công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường kinh doanh các ngành hàng nông sản nội địa và xuất khẩu chè; Tập trung đẩy mạnh SXKD có hiệu quả.

##### *c) Một số chỉ tiêu hoạt động năm 2016 – 2018*

Đến năm 2018, Công ty mẹ và các công ty con phấn đấu đạt được các chỉ tiêu hoạt động sau đây:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu đạt từ 18% trở lên
- Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp: Tổng công ty hoạt động đạt loại A
- Nộp ngân sách Nhà nước: Bảo đảm nộp theo yêu cầu ngân sách hàng năm.
- Cổ tức đạt 6%/năm
- Thu nhập của Cán bộ công nhân viên: Tăng theo năng suất lao động tăng bình quân đạt từ 10% trở lên



**4.3. Định hướng:**

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo, khai thác mọi tiềm năng, lợi thế, tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển vốn; Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trên cơ sở SXKD phát triển, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.
- Xây dựng Tổng công ty phát triển bền vững, đảm bảo công khai, minh bạch; Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, xây dựng văn hoá doanh nghiệp, thực hiện quy chế dân chủ, huy động sức mạnh đoàn kết xây dựng Tổng công ty phát triển ổn định, tăng trưởng bền vững, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Liên kết cổ đông chiến lược, đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính: (1) Nhập khẩu và kinh doanh Vật tư nông nghiệp như Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; (2) Kinh doanh xuất khẩu Chè và các mặt hàng nông sản khác; (3) Kinh doanh nông sản nội địa.
- Về hợp tác: Mở rộng thị phần ra thế giới để đẩy mạnh xuất khẩu chè và các mặt hàng nông sản khác.
- Về quản trị doanh nghiệp: Chuẩn hóa và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhằm phối hợp hoạt động trong toàn Tổng công ty để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

**5. Phương án sử dụng đất đai sau cổ phần hóa**

Hiện nay, toàn bộ 6 lô đất của Tổng công ty đã thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và Thông tư số 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.

Tổng công ty đã gửi Phương án sử dụng đất đến UBND các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, và thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

- Đối với lô đất của Tổng công ty tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng: Ngày 20/07/2012, UBND thành phố Hải Phòng có ý kiến trả lời tại văn bản số 4502/UBND – TC về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất để cổ phần hóa: Tiếp tục cho Tổng công ty được thuê đất để thực hiện dự án.

Tổng công ty đã thực hiện góp vốn bằng tài sản trên đất và quyền thuê đất trên diện tích đất 88.880 m<sup>2</sup> của Tổng công ty, thành lập Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên – Hải Phòng. Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty này là 26%.

Hiện nay, khu đất trên đang được triển khai làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang

Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam.

- Đối với các lô đất của Tổng công ty tại thành phố Hà Nội:

Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Riêng đối với lô đất dùng để thực hiện Dự án tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa, Hà Nội, ngày 15/9/2015, Bộ NN&PTNN đã có Công văn số 7600/BNN-QLDN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt cho phép chuyển chủ đầu tư dự án tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa sang Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao. Ngày 19/10/2015, xét đề nghị của Bộ NN&PTNN và ý kiến của các ngành chức năng, UBND TP Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 1853/TTg-KTN như sau: “*Bộ NN&PTNT chỉ đạo Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp thực hiện chuyển nhượng dự án xây dựng tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa theo quy định hiện hành*”.

- Đối với lô đất của Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:

Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng lô đất tại 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh theo phương án, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty mới nhận được Phiếu chuyển đơn số 27706/VP-TM ngày 20/09/2012 của Văn phòng UBND thành phố Hồ Chí Minh gửi Ban chỉ đạo 09 (Sở Tài chính) kiểm tra rà soát.

## **6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa**

### **6.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh của công ty cổ phần**

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	đồng	220.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000
2	Tổng tài sản	đồng	419.531.768.259	461.978.643.158	513.696.109.644
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	221.445.268.364	224.236.185.297	226.756.975.730
4	Tổng doanh thu	đồng	286.277.975.834	359.403.071.071	435.923.094.976
4.1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>đồng</i>	<i>271.723.076.571</i>	<i>340.324.014.252</i>	<i>413.834.892.903</i>
-	<i>Phân bón</i>	<i>đồng</i>	<i>135.321.428.571</i>	<i>184.037.142.857</i>	<i>234.647.357.143</i>
-	<i>Chè xuất khẩu</i>	<i>đồng</i>	<i>42.697.200.000</i>	<i>50.083.815.600</i>	<i>58.748.315.699</i>
-	<i>Nông sản (đậu tương hạt)</i>	<i>đồng</i>	<i>5.997.600.000</i>	<i>6.851.658.240</i>	<i>7.827.334.373</i>
-	<i>Mù cao su</i>	<i>đồng</i>	<i>20.014.848.000</i>	<i>22.864.962.355</i>	<i>26.120.932.995</i>
-	<i>Đường RS</i>	<i>đồng</i>	<i>36.556.800.000</i>	<i>41.762.488.320</i>	<i>47.709.466.657</i>
-	<i>Dầu hướng dương</i>	<i>đồng</i>	<i>21.991.200.000</i>	<i>25.122.746.880</i>	<i>28.700.226.036</i>
-	<i>Cho thuê văn phòng, kho</i>	<i>đồng</i>	<i>9.144.000.000</i>	<i>9.601.200.000</i>	<i>10.081.260.000</i>

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	<i>bãi</i>				
4.2	Doanh thu tài chính	đồng	8.866.461.531	11.954.480.285	13.424.697.858
4.3	Doanh thu khác	đồng	5.688.437.731	7.124.576.933	8.663.504.216
	Tốc độ tăng trưởng	%	89,40	25,54	21,29
5	Tổng chi phí	đồng	272.797.359.566	341.257.128.137	415.237.844.406
6	Nộp ngân sách	đồng	27.172.307.657	34.032.401.425	41.383.489.290
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.784.493.014	14.516.754.667	16.548.200.456
8	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	5	7	8
9	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	đồng	490	660	752
10	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	% năm	4	5	6
11	Lao động bình quân	Người	68	68	68
12	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	9.461.002	10.407.102	11.447.813

Nguồn: Tổng công ty

## 6.2. Kế hoạch tài chính

Tổng công ty tập trung khai thác vốn từ các tổ chức tín dụng; Các cổ đông chiến lược, đối tác chiến lược, khách hàng, các nhà cung cấp (ứng trước tiền hàng, hàng đổi hàng)... Và huy động từ những nguồn nhân rồi hợp pháp khác (CBCNV, ...) bảo đảm cân đối kịp thời, đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển từng thời kỳ; Thực hiện thoái vốn tại những công ty không có hiệu quả, hiệu quả thấp để tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đầu tư vào những công ty cổ phần có hiệu quả; Cơ cấu lại vốn đầu tư, tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư vào ngành nghề có hiệu quả.

## 6.3. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2018 đã đề ra, Tổng công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

### ❖ Về tổ chức, nhân sự:

- Nghiên cứu và sắp xếp bố trí lao động; đưa ra mô hình tổ chức tại các phòng, ban đơn vị trực thuộc theo hướng phát triển nhằm nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương án trả lương gắn với hiệu quả công việc đảm nhiệm, khuyến khích những người có khả năng lao động mang lại hiệu quả cao và hưởng lương cao theo kết quả công việc.

- Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện tốt công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ với mục tiêu nâng cao chất lượng cán bộ.
- ❖ Giải pháp về kỹ thuật:

Tổ chức thực hiện tin học hóa hệ thống quản lý để ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin vào trong quản lý sản xuất kinh doanh, rút ngắn khoảng cách không gian, thời gian; thông qua việc tổng hợp số liệu.
- ❖ Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:
  - Đảm bảo sự điều hành tập trung thống nhất, quy định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng từng đơn vị, cá nhân để phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.
  - Xây dựng đội ngũ cán quản lý và kinh doanh có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu, có kinh nghiệm về nghề; Phân cấp quản lý tài chính, tăng cường kiểm soát định mức, chi phí nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong huy động và sử dụng vốn nhà nước.
  - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các định mức khoán cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và đặc điểm của Tổng công ty.
  - Hoàn chỉnh các quy định về phân cấp quản lý điều hành của Tổng công ty, xây dựng quy chế hoạt động để chính thức ban hành sau khi thực hiện xong cổ phần hóa Tổng công ty.
  - Áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo hướng gắn chặt lợi ích với mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của công ty, có tính tới đặc thù ngành, nghề và lĩnh vực hoạt động.
  - Cử người trực tiếp quản lý vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty, giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con. Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty.
  - Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ của cổ đông tại công ty liên kết.
  - Tạo cơ chế và tổ chức điều hành, quản lý phù hợp với tình hình mới trên cơ sở phát huy hết khả năng của từng thành viên trong tập thể, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người.
- ❖ Về quản trị sản xuất kinh doanh:
  - Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo mô hình công ty cổ phần, tiếp tục hoàn thiện chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong công ty, tăng cường công tác quản lý và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả, duy trì công tác sản xuất kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh. Xác định phân bón, xuất khẩu chè vẫn là những mặt hàng kinh doanh chính.
- Tăng cường công tác tiếp thị, đánh giá chất lượng thực nghiệm mô hình để đưa sản phẩm phân bón nhãn hiệu “Con lười” thâm nhập thị trường.
- Khuyến khích các hoạt động thi đua lao động trong sản xuất kinh doanh của các tổ chức đoàn thể, xây dựng khối đoàn kết trong cán bộ công nhân viên để gắn bó và cống hiến tài trí góp phần xây dựng Tổng công ty ngày một vững mạnh.
- ❖ Về kinh doanh vật tư hàng hóa và dịch vụ:
  - Tập trung phát triển những ngành nghề chính, những lĩnh vực kinh doanh mà Tổng công ty đang có lợi thế như: Nhập khẩu và kinh doanh phân bón trong nước; nhập khẩu và kinh doanh nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi; nhập khẩu và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; xuất khẩu cao su; xuất khẩu nông sản, trong đó:
    - + Đối với hoạt động kinh doanh phân bón: Năm 2016, Tổng công ty dự kiến sản lượng tiêu thụ khoảng 15.000 tấn (mua một phần từ Nhà máy NPK tại Thủy Nguyên, Hải Phòng; hợp tác với Công ty CP Phân bón Mùa vàng về dự án phân bón “con lười”, thu mua từ các nhà cung cấp nội địa hoặc nhập khẩu nếu điều kiện thuận lợi) trên cơ sở có sự tham gia hỗ trợ của các nhà đầu tư chiến lược trong công tác tìm kiếm thị trường, phân phối sản phẩm,... Từ năm 2017, sản lượng tiêu thụ mỗi năm tăng thêm khoảng 5.000 tấn và từ năm 2019 sản lượng tiêu thụ hàng năm tăng trưởng 10%/năm;
    - + Đối với hoạt động kinh doanh chè: Tổng công ty thực hiện thu mua và tinh chế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng giá trị xuất khẩu. Năm 2016, dự kiến sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 800 tấn (tăng 15% so với năm 2015). Trong những năm tới, Tổng công ty phấn đấu để đạt chỉ tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu chè là 10%/năm. Đây là mặt hàng có nhiều tiềm năng phát triển của Tổng công ty do sức mua ổn định và nhu cầu ngày càng cao.
    - + Đối với hoạt động kinh doanh nông sản như đậu tương hạt, mùn cao su, đường RS, dầu hướng dương, dự kiến sản lượng tiêu thụ hàng năm tăng trưởng bình quân khoảng 12%.
  - Tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng thị trường mua và bán các ngành hàng kinh doanh phụ trợ như: Kinh doanh cho thuê văn phòng, khách sạn nhà xưởng và kho bãi, kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp nông thôn, kinh doanh điện tử, điện máy,... Trong đó, sắp tới Tổng công ty dự kiến đầu tư mua sắm để nâng cấp khách sạn tại 120 Quán Thánh với tổng giá trị khoảng 10 tỷ đồng.
  - Tổng công ty giao cho các đơn vị nghiên cứu xây dựng cơ chế khoán kinh doanh cho từng phòng/ban, chi nhánh thuộc Tổng công ty theo nguyên tắc làm nhiều có hiệu quả cao được hưởng thụ nhiều và ngược lại làm ít, hiệu quả thấp hưởng thụ thấp, tiếp tục rà soát chỉnh sửa các quy chế cho phù hợp với tình hình kinh doanh và quản lý kinh doanh của Tổng công ty ở từng thời kỳ.



- Tổng công ty luôn chú trọng đến cách thức làm việc theo nhóm. Để thực hiện có hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng thì mỗi một phương án kinh doanh, mỗi một dự án đầu tư xây dựng, mỗi một công việc được giao cho một tổ công tác. Tổ trưởng là người trực tiếp chỉ đạo và những thành viên trong tổ phối hợp triển khai thực hiện. Tổ trưởng chịu trách nhiệm chính về hiệu quả dự án kinh doanh hoặc dự án đầu tư. Nếu thực hiện có hiệu quả thì tổ công tác được hưởng thụ theo hiệu quả đó và nếu làm thất thoát lãng phí, thua lỗ phải bồi thường.
- Là doanh nghiệp kinh doanh thương mại bán buôn, Tổng công ty phải tìm kiếm và xây dựng được những bạn hàng đủ tin cậy, có năng lực tài chính ở các vùng thị trường trọng điểm, như ở miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên, Tây Bắc. Quan điểm của Tổng công ty là khi cùng tham gia vào chuỗi kinh doanh thì thuận lợi cùng được hưởng, khó khăn cùng chia sẻ.
- Quan điểm quản lý tài chính trong kinh doanh: Khách hàng trả tiền đến đâu giao hàng đến đó, giao đúng, giao đủ, giao kịp thời. Không trả trước cho người bán hàng, trừ một số mặt hàng chiến lược thì phải có hợp đồng chặt chẽ, có tính lãi cho thời gian trả trước đó và chỉ áp dụng với những người bán hàng có năng lực tài chính, có uy tín. Mỗi một bạn hàng (một đối tác) chỉ quan hệ mua bán với một đơn vị kinh doanh của Tổng công ty.
- Rà soát lại các định mức chi phí, thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc chủ động kinh doanh như đơn vị hạch toán độc lập và tự chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- ❖ Về đầu tư tài chính:

Thường xuyên kiểm tra, rà soát hiệu quả nguồn vốn của Tổng công ty đầu tư tại các Công ty cổ phần để có lộ trình tiếp tục thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp, tập trung phát triển những ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.
- ❖ Giải pháp về vốn:
  - Tranh thủ các nguồn vốn tín dụng của nhà nước giữ vững quan hệ và uy tín đối với các tổ chức tín dụng trong việc vay và thanh toán.
  - Tính toán và phân bổ nguồn vốn một cách phù hợp.
  - Thực hiện nghiêm việc bố trí lại cơ cấu tài chính phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tăng cường tiết kiệm hạ thấp chi phí quản lý.
  - Hàng năm, trên cơ sở các phương án kinh doanh của các phòng, ban đơn vị đã được phê duyệt, Phòng Kế toán tài chính có kế hoạch tài chính cụ thể phục vụ sản xuất kinh doanh, cân đối đảm bảo nguồn tài chính để phục vụ việc thực hiện phương án kinh doanh của các đơn vị ở từng thời điểm cụ thể.
  - Cần có giải pháp huy động các nguồn vốn nhân rồi, huy động góp vốn từ CBCNV, hạn chế vay lãi xuất cao của Ngân hàng, sử dụng vốn hợp lý, luân chuyển vốn nhanh, xây



dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết và cụ thể tránh để đọng vốn và khách hàng chiếm dụng vốn...

#### **7. Kế hoạch niêm yết trên thị trường chứng khoán**

Nếu Tổng công ty đáp ứng các điều kiện là công ty đại chúng, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty thực hiện và hoàn tất các thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Tổng công ty cũng thực hiện đăng ký giao dịch/niêm yết chứng khoán theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

#### **V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN**

Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp xây dựng Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp – Công ty cổ phần gồm 12 chương và 64 điều theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các công việc thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ tiếp tục triển khai các công việc sau:

#### 1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:

##### 1.1 Bán cổ phần:

- Công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định;
- Tổ chức bán đấu giá, bán cho nhà đầu tư chiến lược và báo cáo kết quả đấu giá;
- Tổ chức bán cổ phần cho CBCNV, Tổ chức công đoàn: Thu tiền và trả tiền đặt cọc
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban Chỉ đạo và đề xuất phương án xử lý cổ phần không bán hết (nếu có)

##### 1.2 Báo cáo Bộ phương án nhân sự của công ty cổ phần

#### 2. Hoàn tất việc chuyển Tổng công ty thành công ty cổ phần:

##### 2.1 Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập và đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần

- Chuẩn bị tài liệu và công tác tổ chức Đại hội cổ đông;
- Tổ chức hiệp thương nhân sự;
- Tổ chức đại hội cổ đông thành lập;
- Đăng ký doanh nghiệp.

##### 2.2 Tổ chức quyết toán và bàn giao giữa Tổng công ty và công ty cổ phần:

- Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

#### 3. Lộ trình cụ thể

TT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	Thủ tướng phê duyệt Phương án cổ phần hóa	Ngày T
2	Chuẩn bị tài liệu, hồ sơ phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần	T – 10 đến T+2
3	Phê duyệt Bản CBTT và các tài liệu phục vụ cho bán cổ phần	T+2 đến T+4
4	Thực hiện bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài	T+5 đến T+55

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>Thời gian dự kiến</b>
5	Thực hiện bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên, Tổ chức công đoàn, Nhà đầu tư chiến lược	T+55 đến T+85
6	Báo cáo kết quả chào bán cổ phần	T+85 đến T+90
7	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần	T+ 90 đến T + 110
8	Thực hiện đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần	T + 110 đến T + 120
9	Quyết toán tài chính, bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần	Trong vòng 60 ngày kể từ ngày chính thức có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

## **II. KIẾN NGHỊ**

Các vấn đề còn tồn tại, vướng mắc về tài chính, Tổng công ty sẽ có trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện, thực hiện theo quy định và xử lý trong giai đoạn Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Tổng công ty kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp./.

**Nơi nhận:**

- Ban chỉ đạo cổ phần hóa;
- Vụ quản lý DN Bộ NN&PTNT;
- Lưu HĐTV, VT.

**TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP  
TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
PHỤ TRÁCH HĐTV  
(Đã ký)**

**NGUYỄN TRƯỜNG THẮNG**